DANH MỤC TÀI LIỆU

1	Báo cáo hoạt động nghiên cứu Khoa học Sinh Viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm học 2017 - 2018
2	Tóm tắt các công trình đạt giải Nhất, Nhì, Ba sinh viên NCKH năm 2018
3	Danh sách các công trình đạt giải sinh viên NCKH cấp Trường năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN NĂM HỌC 2017 - 2018

Kính thưa các Quý vị đại biểu, Quý Thầy Cô và các bạn sinh viên thân mến!

Thay mặt ban tổ chức xin gửi lời cảm ơn tới quý đại biểu, quý Thầy cô và các bạn sinh viên đã có mặt tại đây và chúc cho Hội nghị của chúng ta thành công tốt đẹp.

Kính thưa các Quý vị đại biểu, Quý Thầy Cô và các bạn sinh viên!

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong đó có nghiên cứu khoa học sinh viên (NCKHSV) là một mắt xích quan trọng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát hiện và bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của sinh viên; nâng cao vị thế về nghiên cứu khoa học và gia tăng hình ảnh và xếp hạng của các cơ sở giáo dục đại học. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong nhiều năm qua, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã luôn chú trọng ngay từ khâu lập kế hoạch, triển khai cũng như dành một khoản đầu tư lớn hàng năm cho hoạt động này.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng trường, bên cạnh việc đẩy mạnh phong trào theo chiều rộng, hoạt động NCKHSV toàn trường trong thời gian qua đã bắt đầu đi vào chiều sâu, thực chất hơn. Các hình thức hoạt động NCKHSV đã được thực hiện theo hướng đa dạng và ngày càng gắn với các chuyên ngành đào tạo. Các công trình NCKH của sinh viên, nhóm sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên đã từng bước gắn liền với tình hình kinh tế - xã hội trong nước cũng như quốc tế, đã tìm tòi được các vấn đề mới, các khoảng trống mới cần nghiên cứu, đã sử dụng được nhiều mô hình phân tích định lượng để đánh giá và giải quyết các mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu đặt ra.

Kính thưa các Quý vị đại biểu, Quý Thầy Cô và các bạn sinh viên!

Năm học 2017-2018, trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tổ chức phát động và triển khai hoạt động NCKHSV sâu rộng trong toàn trường; chú trọng chỉ đạo, đôn đốc công tác NCKHSV tại các Khoa/Viện/Trung tâm; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong trường như Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên, Câu lạc bộ sinh viên NCKH để tuyên truyền, phổ biến cho sinh viên trong toàn trường tham gia.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Nhà trường, hoạt động NCKHSV tại các Khoa/Viện/Trung tâm có quản lý sinh viên đã được triển khai phát động và tổ chức có hiệu quả, trên cơ sở đó xét chọn các công trình dự thi sinh viên nghiên cứu khoa học các cấp. Năm học 2017 – 2108, 22 đơn vị có quản lý sinh viên đã tổ chức triển khai hoạt động NCKHSV, có 412 công trình dự thi cấp Khoa/ Viện/Trung tâm với tổng số 1.698 SV tham gia/tổng số 21.352 sinh viên hệ chính quy của trường, đạt tỷ lệ 8%; cao hơn năm học (2016-2017) 16%.

Số lượng sinh viên (đặc biệt là năm thứ hai và năm thứ ba) tham gia có xu hướng tăng lên. Nhiều đơn vị có tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH cao như Câu lạc bộ SVNCKH đạt 22,4%; Khoa Bảo hiểm đạt 19,9%; Viện QTKD đạt 19,5%; Viện NH –TC đạt 15,0%. Số công trình các Khoa, Viện gửi dự thi cấp trường năm học 2017-2018 là 165 công trình, trong đó có 06 công trình do câu lạc bộ NCKHSV gửi dự thi, 24 công trình năm thứ 2; 144 công trình năm thứ 3 và 18 công trình năm thứ 4.

Cùng với việc nghiên cứu độc lập của sinh viên, để đa dạng hoạt động, nhà trường đã giao cho các Thầy/Cô có đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường đề xuất từ 1 đến 3 sinh viên các khóa làm thành viên nghiên cứu. Đây là hướng đi mới và đúng đắn nhằm gắn kết nghiên cứu của thầy và trò, từ đó khơi dậy sự đam mê, tìm kiếm các tài năng và bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho các bạn sinh viên. Hình thức này đã thu hút đông đảo các bạn sinh viên tham gia và nhờ đó tỷ lệ sinh viên nghiên cứu trong toàn trường tăng lên đáng kể, ước tính khoảng 15%.

Bên cạnh hoạt động tổ chức NCKH ở các Khoa/Viện/Trung tâm, Đoàn Thanh niên trường, CLB SVNCKH cũng đã tổ chức nhiều buổi thuyết trình, mở các lớp dạy về phương pháp NCKH; Tổ chức các buổi Hội thảo, mời các chuyên gia báo cáo về các vấn đề kinh tế - xã hội để nâng cao năng lực nghiên cứu và nhận thức thực tiễn cho sinh viên. Các hoạt động này đã thu hút đông đảo sinh viên quan tâm và tham gia. Công tác thông tin về hoạt đồng NCKHSV đã được đẩy mạnh. Trang web, bản tin của Đoàn thành niên và CLB SVNCKH luôn cập nhật các hoạt động NCKH và đăng tải các công trình đạt giải để các bạn sinh viên tham khảo.

Năm 2018, với chủ trưởng đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động NCKH trong đó có hoạt động NCKHSV, Nhà trường đã ban hành nhiều quyết định để tăng kinh phí cho hoạt động này. Theo đó, nguồn kinh phí dành hỗ trợ cho hoạt động SVNCKH là 2,650 tỷ đồng (không kể kinh phí hỗ trỗ trực tiếp cho các đơn vị), tăng 13,1% so với năm 2016 (2,023 tỷ) và 12% so với năm 2017 (2,195 tỷ). Đây là sự cố gắng nỗ lực của nhà trường trong bối cảnh thực hiện tự chủ như hiện nay. Bên cạnh việc đầu tư về kinh phí, Nhà trường cũng đã có những chế độ khen thưởng, cộng điểm thưởng trong rèn luyện và học tập cho sinh viên đạt thành tích cao trong nghiên cứu khoa học.

Kính thưa các Quý vị đại biểu, Quý Thầy Cô và các bạn sinh viên!

Với sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng trường và sự nỗ lực quyết tâm của Thầy và trò trường ĐH Kinh tế Quốc dân, năm học 2017 – 2018, hoạt động NCKHSV đã đảm bảo đúng kế hoạch đã đề ra, phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu và đạt được nhiều thành tích đáng tự hào. Đó là:

Trường luôn nằm trong tốp đầu các trường đại học có thành tích nghiên cứu khoa học sinh viên xuất sắc, được nhận nhiều bằng khen của Thủ tướng và Bộ GD&ĐT. Chất lượng các

công trình nghiên cứu ngày được nâng cao và có nhiều sinh viên đạt giải cao trong các giải thưởng nghiên cứu khoa học, đặc biệt là giải thưởng "Sinh viên Nghiên cứu khoa học" cấp Bộ. Kết quả, tháng 12/ 2017, Trường đã nhận được 09 giải thưởng cấp Bộ GD và ĐT quản lý (trong đó có 01 giải Nhất, 04 giải Nhì và 04 giải Khuyến khích). Phòng QLKH được trao tặng 01 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017- 2018. Đặc biệt, cũng tháng 12/2017, lần đầu tiên tham dự, sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân đã xuất sắc đạt giải nhất cuộc thi Sinh viên NCKH khối kinh tế Euréka 2017 do Bộ KHCN và Thành đoàn TP.Hồ Chí Minh tổ chức.

Đối với các công trình dự thi cấp trường năm 2018, trong tổng số 165/412 công trình của các Khoa/Viện/Trung tâm gửi lên tham dự cấp trường, sau khi trải qua các vòng chấm nghiêm túc, Nhà trường đã lựa chọn được ra 156 công trình đạt giải, bao gồm: 12 giải Nhất, 14 giải Nhì, 56 giải Ba và 74 giải Khuyến khích (trong đó có 11 công trình được gửi đi dự thi cấp Bộ). Để kịp thời động viên, Hiệu trưởng đã tặng Giấy khen và phần thưởng cho 542 sinh viên thực hiện 156 công trình nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng; khen thưởng 119 giảng viên có thành tích hướng dẫn sinh viên NCKH và 08 đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017-2018. Xin chúc mừng thành tích nghiên cứu khoa học của các em sinh viên.

Đóng góp vào kết quả trên còn có sự chia sẻ, đồng hành thường xuyên cùng các bạn sinh viên trong hoạt động NCKH của các doanh nghiệp lớn là Tập đoàn Hòa Phát, Tập đoàn Bảo Việt; và của Viện Quản trị Kinh doanh, Trung tâm đào tạo tiến tiến CLC&Pohe, trường ĐH Kinh tế Quốc dân đã tài trợ các giải thưởng trị giá trên 100 triệu đồng cho các sinh viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba giải thưởng SVNCKH cấp trường

Kính thưa các Quý vị đại biểu, Quý Thầy Cô và các bạn sinh viên!

Mặc dù đạt được các thành tích đáng ghi nhận, nhưng hoạt động NCKH sinh viên vẫn cần phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa, đặc biệt là việc nâng cao tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH theo mục tiêu đề ra là đến năm 2019 đạt từ 18 - 20% sinh viên tham gia NCKH. Ngoài ra, chất lượng các công trình NCKHSV cần được đảm bảo và tiếp tục nâng cao hơn nữa, cố gắng để có những công trình hoặc nhóm tác giả có khả năng tham gia một số diễn đàn sinh viên trong khu vực và trên thế giới; góp phần vào mục tiêu trường đại học định hướng nghiên cứu. Để làm được điều này, lãnh đạo Nhà trường đã giao các đơn vị chức năng thảo luận, nghiên cứu, đề xuất các hình thức thu hút SVNCKH, cơ chế khuyến khích cho các sinh viên đạt giải các cấp nhằm tạo động lực thúc đẩy hoạt động SVNCKH trong thời gian tới.

Và ngày hôm nay, không những chỉ là buổi lễ tổng kết hoạt động NCKHSV của năm học 2017-2018, mà còn là lễ phát động NCKHSV trong năm học 2018-2019. Nhà trường đã công bố các tài liệu triển khai kế hoạch nghiên cứu KHSV năm học 2018-2019. Với truyền thống thành tích đã đạt được, với sự quan tâm chỉ đạo của Đảng uỷ, BGH, HĐ trường; với sự

phối hợp có hiệu quả của các đơn vị trong nhà trường; với sự tận tâm của quý thầy cô giáo; với sự đồng hành của các nhà tài trợ; và đặc biệt là tinh thần hăng say nghiên cứu khoa học của các em sinh viên, chúng ta tin tưởng rằng hoạt động NCKH sinh viên của trường đại học KTQD sẽ ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành công hơn nữa.

Là đơn vị thường trực trong quản lý hoạt động KH&CN toàn trường, thay mặt BTC, xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng trường,

Xin trân trọng cảm ơn sự đóng góp của tập thể quý thầy, cô, các nhà khoa học đang công tác tại trường đã có nhiều đóng góp trong việc hướng dẫn sinh viên NCKH.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các Khoa/Viện/Trung tâm, các đơn vị trong toàn trường trong công tác triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên ở đơn vị. Cảm ơn sự phối hợp của Đoàn TNCSHCM, Hội sinh viên, CLB Sinh viên NCKH và toàn thể các em sinh viên đã ý thức được vai trò của nghiên cứu khoa học và luôn hăng hái tham gia hoạt động NCKH.

Xin trân trọng cảm ơn các Nhà tài trợ và mong muốn tiếp tục nhận được sự đồng hành của Quý vị trong sự nghiệp KH&CN của nhà trường nói chung và của hoạt động NCKHSV nói riêng.

Kính chúc các quí vị đại biểu, Quý Thầy/Cô, các bạn sinh viên sức khỏe và thành công trong cuộc sống.

Trân trọng cảm ơn!

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN ĐẠT GIẢI NHẤT NĂM 2018

NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI VIỆT NAM – NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP XÃ AN SƠN, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Đoàn Minh Hiếu[a], Trần Anh Dũng[a], Trương Việt Đức[a], Nguyễn Thanh Tâm[a]

Giáo viên hướng dẫn: *GS.TS Ngô Thắng Lợi*

[a]Kinh tế phát triển 57

Tóm tắt nghiên cứu

Nghiên cứu đã xây dựng được nội hàm gồm 4 khía cạnh (thu nhập, giáo dục, y tế, chất lượng cuốc sống); tiêu chí đánh giá gồm 4 chiều và 11 tiêu chí; phương pháp đánh giá đó là tính điểm theo trọng số cho các tiêu chí với tổng số điểm là 1. Qua xử lý, phân tích các số liệu thu thập được, nhóm nghiên cứu rút ra một số kết luận về bức tranh nghèo xã An Sơn như sau: tỷ lệ nghèo đa chiều khá cao, trong đó nghèo theo chiều sâu trầm trọng, do tích hợp bởi các thành phần nghèo về thu nhập, nghèo về tham gia dịch vụ y tế và phần lớn về các yếu tố về chất lượng cuộc sống. Nghiên cứu phát hiện được những nguyên nhân dẫn đến nghèo đa chiều tại địa phương, trong đó nhấn mạnh đến yếu tố về kết cấu hạ tầng giao thông yếu kém, tính thuần nông của nền kinh tế và những yếu tố thuộc về chính người nghèo. Nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm giảm tình trạng nghèo đa chiều tại xã An Sơn, theo đó tập trung vào những giải pháp liên quan đến đầu tư cải thiện tình trạng kết cấu hạ tầng giao thông, phát triển các ngành kinh tế và những chính sách cần thiết hỗ trợ người nghèo.

ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN XÃ HỘI ĐẾN THU NHẬP HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN VIỆT NAM

Đỗ Thị Minh Hiệp[b], Đỗ Đức Lân[b], Nguyễn Trọng Phú[b], Nguyễn Hồng Sơn[b]

Giáo viên hướng dẫn: *Ths. Phan Thanh Hương*

[b]Tài chính Quốc tế 57

Tóm tắt nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả ước tính về mặt thực nghiệm tác động của vốn xã hội đối với thu nhập của hộ gia đình nông thôn Việt Nam, trọng tâm là mối quan hệ của các hộ gia đình trong cộng đồng - yếu tố quyết định liên quan đặc biệt đến quyết định hàng ngày của hộ gia đình và ảnh hưởng đến thu nhập của họ. Mô hình về thu nhập của hộ gia đình được nhóm tác giả sử dụng thể hiện các đặc điểm của địa phương và hộ gia đình để ước tính đóng góp của vốn xã hội vào thu nhập của mỗi hộ. Mô hình hồi quy coi vốn xã hội cùng với vốn con người và vốn vật chất là đầu vào trong hàm sản xuất của hộ gia đình. Vốn xã hội có ba tác động cơ bản: chia sẻ thông tin giữa các mối quan hệ, giảm thiểu rủi ro và các kết quả bất lợi, cải thiện việc ra quyết định của hộ gia đình. Trong số các yếu tố được tác giả đưa vào đo lường, phân tích, các hiệu ứng mạnh nhất được tìm thấy là: (i) Sự tương tác giữa các thành viên trong gia đình; (ii) Trình độ học vấn của chủ hộ; (iii) Niềm tin, sự hợp tác và các mối quan hệ; (iv) Thông tin thu thập được từ các tổ chức chính trị - xã hội.

TÁC ĐỘNG CỦA VỐN TRÍ TUỆ ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

***Vũ Huy Hoàng*[a], *Quách Hồng Hạnh*[b], *Nguyễn Dương Hồng Nhung*[c]**
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Hoàng Thị Huệ*
[a]*Kiểm toán 57C,* [b]*Toán Kinh tế 57, ISFA6,* [c]*Toán tài chính 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu định lượng của bài viết đã cho thấy có mối quan hệ tích cực giữa vốn trí tuệ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Trong đó vốn con người ảnh hưởng tích cực đến đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, vốn vật chất và tài chính trong ngắn hạn ảnh hưởng tới hiệu quả nhưng trong dài hạn lại chưa được kiểm chứng, vốn cấu trúc có sự tác động tới hiệu quả hoạt động rõ ràng nhất về ngắn hạn và dài hạn. Nghiên cứu của nhóm tác giả giúp cung cấp cái nhìn tổng quan về mối quan hệ giữa vốn trí tuệ và hiệu quả doanh nghiệp. Qua đó, có thể xem xét vận dụng thực tế của lý thuyết trong mối quan hệ giữa vốn trí tuệ và hiệu quả của doanh nghiệp để đưa ra những quyết định phù hợp nhất đối với mỗi tổ chức hoạt động trên thị trường Việt Nam.

ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG CÁCH SỐNG, VỊ CHỦNG TIÊU DÙNG, CHỦ NGHĨA VẬT CHẤT ĐẾN HÀNH VI MUA HÀNG NỘI TẠI VIỆT NAM

***Nguyễn Thị Yến Vân*[d], *Nguyễn Thị Thùy*[d]**
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Nguyễn Quốc Duy*
[d]*E-BBA7B*

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy tính vị chủng tiêu dùng là nhân tố chính tác động vào hành vi mua hàng nội với hệ số B là 0.587, qua đó cho thấy người càng có tính vị chủng tiêu dùng cao thì càng có hành vi mua hàng nội mạnh. Kết quả cũng cho thấy người có trình độ học vấn đại học và sau đại học có hành vi mua hàng nội mạnh hơn. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm không chỉ đóng góp cho các nghiên cứu sau này trong nghiên cứu về kinh tế, marketing mà còn đóng góp cho các nghiên cứu nước ngoài về thị trường Việt Nam. Các nhà nghiên cứu có thể sử dụng, tham khảo cho nghiên cứu của mình. Đề tài nghiên cứu của nhóm cũng sẽ phần nào giúp cho nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền; các tổ chức, hiệp hội và hơn hết là các doanh nghiệp trong nước có cái nhìn tổng quát về các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hành vi mua hàng nội tại Việt Nam, đề xuất các giải pháp để thúc đẩy sự phát triển của hàng nội trên thị trường.

TÁC ĐỘNG CỦA NHẬN THỨC, KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ TỚI HÀNH VI VỀ MÔI TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC KHỐI NGÀNH KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Đăng Thành[a], Nguyễn Khánh Huyền[b], Trần Thị Ngọc Mai[b]

Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Dương Thùy Linh*

[a]E-PMP1, [b]Quản lý kinh tế K57A

Tóm tắt nghiên cứu

Thứ nhất, không có sự khác biệt về hành vi tiết kiệm tài nguyên của sinh viên thuộc các nhóm khác nhau. ***Thứ hai,*** không có sự khác biệt về hành vi tham gia bảo vệ môi trường của sinh viên thuộc các nhóm khác nhau. ***Thứ ba,*** nhận thức, kiến thức và thái độ đều có mối quan hệ tích cực với hành vi tiết kiệm. ***Thứ tư,*** chỉ có nhận thức và thái độ ảnh hưởng tích cực đến hành vi bảo vệ môi trường của sinh viên. ***Thứ năm,*** kiến thức có ảnh hưởng tích cực đến thái độ về môi trường nhưng không có quan hệ tuyến tính (Không có ảnh hưởng) đến nhận thức về môi trường. Từ kết quả nghiên cứu nói trên, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị và đề xuất về bảo vệ môi trường. bài nghiên cứu này sẽ giúp các nhà trường cải tiến chương trình đào tạo đại học và xây dựng các chiến lược tốt hơn để bảo vệ môi trường.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH SỬ DỤNG THANH TOÁN DI ĐỘNG TẠI ĐIỂM BÁN CỦA NGƯỜI DÂN THÀNH THỊ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Ngọc Ánh[c], Tiêu Việt Hà[c], Trần Minh Chiến[c]

Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Nguyễn Phương Mai*

[c]E-BBA7A

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã xác định được 3 nhân tố gồm "Nhận thức tính hữu ích của cá nhân và xã hội", "Nhận thức tính dễ sử dụng" và "Yếu tố hỗ trợ" giải thích được hơn 51% ý định sử dụng TTDĐ tại điểm bán của người dân thành thị Việt Nam. Trong đó, "Nhận thức tính hữu ích của cá nhân và xã hội" có ảnh hưởng lớn nhất tiếp theo là "Yếu tố hỗ trợ" và cuối cùng là "Nhận thức tính dễ sử dụng". Nghiên cứu cũng tìm ra được ảnh hưởng điều tiết của độ tuổi và kinh nghiệm lên mối quan hệ giữa các nhân tố và ý định sử dụng. Từ những kết quả phân tích, nghiên cứu giúp doanh nghiệp, tổ chức cung ứng dịch vụ TTDĐ phát triển chiến lược kinh doanh phù hợp với từng đối tượng khách hàng, thúc đẩy vai trò kiểm soát và điều tiết nhà nước, tăng hiệu quả kết nối trung gian của ngân hàng cũng như sự tham gia của các điểm bán lẻ để tạo ra một hệ sinh thái có sự liên kết và hỗ trợ giữa các bên, tạo điều kiện cho sự phát triển của TTDĐ tại điểm bán ở Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THIẾU THÔNG TIN VỀ BHYT NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNH VI THAM GIA VÀ SỬ DỤNG BHYT NHÀ NƯỚC CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trương Thị Mai Hương[a], Huỳnh Kim Yến[a]

Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hải Đường

[a]KTBH 57B

Tóm tắt nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã đưa ra được các nhân tố tác động của sự thiếu thông tin BHYT nhà nước tác động đến hành vi tham gia và sử dụng BHYT nhà nước của sinh viên. Nhóm nhân tố thứ nhất về nguồn thông tin BHYT nhà, nhóm nhân tố thứ hai về nội dung thông tin liên quan đến hiểu biết BHYT nhà nước, nhóm nhân tố thứ ba về khả năng tiếp cận thông tin của sinh viên từ các nguồn thông tin. Qua các mục phân tích như trên, nhóm đã chỉ ra được nhân tố nào tác động mạnh nhất, tác động ít nhất đến hành vi tham gia và sử dụng BHYT nhà nước của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cũng giúp các nhà hoạch định chính sách hiểu biết rõ hơn về ảnh hưởng của việc thiếu thông tin BHYT nhà nước của đối tượng sinh viên để từ đó có những chính sách và giải pháp cải thiện phù hợp, nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của sinh viên.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XU HƯỚNG CHẤP NHẬN SỬ DỤNG XĂNG SINH HỌC E5 TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Nguyễn Phi Yến[a], Lê Thị Vân Anh[a], Nguyễn Hồng Nhân[a], Phan Thị Hồng Nhung[a], Phạm Thị Oanh[a]
Giáo viên hướng dẫn*:* *ThS. Nguyễn Nhất Linh*
[a]Tài chính công 57

Tóm tắt nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình 4 nhân tố chính có thể giải thích được 66,9% về các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi chấp nhận sử dụng xăng sinh học E5 trên địa bàn Hà Nội đó là: Cảm nhận hữu ích, Khả năng tiếp cận, Quy chuẩn chủ quan, Lợi ích lien quan và Khả năng tương thích sắp xếp theo thứ tự mức độ tác động giảm dần . Bên cạnh đó qua tìm hiểu và khảo sát cho thấy tình trạng yếu kém của lượng tiêu thụ của E5 so 1 loại xăng truyền thống cũ là RON 95 đang ngày càng trở nên trầm trọng , dấy lên mối quan ngại của cơ quan nhà nước sau khi chính thức phân phối loại xăng thân thiện với môi trường này ra thị trường sau nhiều năm thử nghiệm, nhưng vẫn chưa nhận được sự ủng hộ sử dụng từ phía dân cư. Lộ trình như các nước phát triển trên thế giới sau 30 năm hội nhập kinh tế thị trường , nước ta cơ bản sẽ sử dụng các loại xăng sinh học nhằm bảo vệ môi trường và hạn chế khai thác gây cạn kiệt nguồn tài nguyên sẽ bị ảnh hưởng. Chính vì vậy Nhà nước, và bản thân mỗi cá nhân cần tìm ra giải pháp để giải quyết tình trạng này.

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN Ý ĐỊNH LỰA CHỌN PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN KHÔNG SỬ DỤNG TIỀN MẶT KHI MUA SẮM TRỰC TUYẾN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Trần Thị Phương Hiền[a], Lê Huy[a], Nguyễn Hồng Hạnh[b], Lê Trần Hà Trang[b], Nguyễn Lê Diệp Linh[c]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Lê Thị Lan Hương*
[a]Tài chính Tiên tiến 58; [b]Tài chính Tiên tiến 58; [c]EBBA 58C

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cũng đã thể hiện được 5 yếu tố làm ảnh hưởng đến ý định lựa chọn phương thức thanh toán không sử dụng tiền mặt khi mua sắm trực tuyến. Bên cạnh đó, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến từng phương thức: Thẻ tín dụng, Thẻ ghi nợ, Ví điện tử đã được nghiên cứu và đánh giá cụ thể trong đề tài này. Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích hỗ trợ cho các nhà cung cấp phương thức thanh toán và các doanh nghiệp bán hàng trực tuyến có thêm thông tin về thực trạng sử dụng cũng như đánh giá của người tiêu dùng về các phương thức thanh toán không sử dụng tiền mặt tiêu biểu được sử dụng trong mua sắm trực tuyến hiện nay. Từ đó nhà cung cấp này có thể cải tiến và phát triển tiện ích cho các phương thức thanh toán của mình hơn nữa nhằm thu hút người sử dụng.

SỰ HÀI LÒNG CỦA PHỤ HUYNH ĐỐI VỚI GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG - NGHIÊN CỨU TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Nguyễn Vân Anh[c], Nguyễn Hải Long[c], Đỗ Sơn Nam[c]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Lê Thị Lan Hương*
[c]E-BBA8 C

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã đưa ra được mô hình hoàn thiện gồm 4 nhân tố giải thích được 68,1% mức độ hài lòng của phụ huynh có con theo học tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Qua kết quả phân tích mà nhóm nghiên cứu thu được ở đề tài, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đã có được cái nhìn tổng quát về thực trạng sự hài lòng của phụ huynh về giáo dục tại các trường Trung học phổ thông mà con mình theo học trên địa bàn thành phố Hà Nội cũng như những nhân tố cụ thể ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của họ. Tuy nhiên, những hạn chế về mặt thời gian, kiến thức cũng như tài chính của nhóm nghiên cứu, báo cáo nghiên cứu vẫn còn tồn tại những thiếu sót và hơn nữa 214 phiếu điều tra chưa đại diện được cho số lượng phụ huynh học sinh Trung học phổ thông tại Hà Nội. Nhóm nghiên cứu rất mong muốn có cơ hội để thực hiện đề tài một cách đầy đủ và toàn diên hơn, khắc phục được hết những thiếu sót và hạn chế để kết quả thu được có thể sát với thực tế hơn.

NGHIÊN CỨU TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM TỨ PHỦ TRONG VĂN HOÁ VIỆT NAM VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Vũ Minh Anh[a], Đỗ Mai Anh[a], Vũ Ngọc Bách[a], Nguyễn Công Thành[a], Đỗ Thị Trang[a]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Trần Thị Huyền Trang*
[a]Quản trị Lữ hành 57

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, đặc biệt là việc nhóm nghiên cứu đã tìm ra được 3 giá trị của TNTMTTP có ảnh hưởng tích cực tới khả năng thu hút khách du lịch tâm linh, bao gồm giá trị văn hoá, giá trị thẩm mỹ và giá trị tâm linh. Trong đó ứng với từng đối tượng khách du lịch, mức độ ảnh hưởng của mỗi giá trị có sự khác biệt. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ là nguồn tham khảo cho các cơ quan quản lý du lịch tại khu vực Đồng bằng sông Hồng và các công ty du lịch - lữ hành có cái nhìn tổng quát về các yếu tố thu hút khách du lịch tâm linh gắn với TNTMTTP, từ đó xây dựng các chính sách và sản phẩm du lịch phù hợp vừa đảm bảo gìn giữ các giá trị truyền thống của di sản, vừa phát huy các giá trị ấy đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế.

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHẤP NHẬN SỬ DỤNG DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA THIẾT BỊ DI ĐỘNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Hà Phương Anh[a], Phạm Anh Khoa[b], Lê Trương Quỳnh Như[a], Nguyễn Hà Vy[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS Khúc Thế Anh*
[a]Kinh doanh Quốc tế 57 CLC; [b]Marketing 57 CLC

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 6 nhân tố giải thích ý định sử dụng dịch vụ thanh toán qua thiết bị di động tại Việt Nam, đó là các nhân tố Tính tương thích; Độ hữu ích; Độ dễ sử dụng; Tính di động; Tính bảo mật; Ảnh hưởng xã hội. Trong đó nhân tố "Độ hữu ích" có ảnh hưởn mạnh nhất đến ý định sử dụng của khách hàng và có ảnh hưởng thấp nhất là nhân tố "Tính bảo mật". Từ đó, các tác giả đưa ra một số đề xuất cho các nhà quản lý liên quan đến việc tiếp thị các dịch vụ thanh toán qua thiết bị di động để tăng ý định sử dụng những dịch vụ này của người tiêu dùng.

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN ĐẠT GIẢI NHÌ NĂM 2018

IMPACT OF WORKING CAPITAL MANAGEMENT ON THE PERFORMANCE OF LISTED FIRMS ON HO CHI MINH STOCK EXCHANGE

Vũ Kiều Trang[b], Lê Hoàng Lan[b], Dư Ngọc Khanh[b], Lê Thị Bích Ngọc[b]

Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Trần Mạnh Dũng*

[b]Tài chính Tiên tiến 57

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm đã tìm ra được các mô hình, mỗi mô hình gồm 4 nhân tố giải thích hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đó là các nhân tố "Hiệu quả quản trị vốn lưu động", "Tăng trưởng doanh thu", "Dòng tiền", "Rủi ro". Trong đó, 2 biến đại diện cho nhân tố "Hiệu quả quản trị vốn lưu động" là Chu kỳ chuyển hóa tiền mặt và Thời gian tồn kho tác động cùng chiều với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, 2 nhân tố "Tăng trưởng doanh thu" và "Dòng tiền" tác động cùng chiều, nhân tố "Rủi ro" tác động ngược chiều đến hiệu quả kinh doanh. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ góp phần giúp cho các doanh nghiệp, cụ thể là các doanh ngiệp thuộc ngành Xây dựng, Vận tải và kho bãi, Sản xuất nông-lâm-ngư-nghiệp, Thực phẩm, Bán buôn - bán lẻ, có cái nhìn tổng quát và đưa ra các quyết định về quản trị vốn lưu động để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

ẢNH HƯỞNG CỦA CHUỖI CUNG ỨNG ĐẾN HIỆU QUẢ SẢN XUẤT CỦA DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ VỪA VÀ NHỎ TẠI HÀ NỘI

Đỗ Thị Tuyết Mai[a], Nguyễn Thị Huyền[a], Nguyễn Thị Mai[a]
Giáo viên hướng dẫn: *Ths. Lại Mạnh Khang*
[a]Quản trị doanh nghiệp 57

Tóm tắt nghiên cứu

Qua thực tế và từ các nghiên cứu cho thấy, liên kết chuỗi cung ứng có vai trò quan trọng đối với chuỗi cung ứng cũng như hiệu quả sản xuất của ngành gỗ. Nhưng liệu liên kết chuỗi cung ứng có thật sự tác động tích cực tới hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp trong ngành gỗ? Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 3 nhân tố giải thích được 27.6% hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ vừa và nhỏ tại Hà Nội, đó là các nhân tố "Quy mô lao động", "Liên kết nhà cung cấp", "Liên kết nội bộ". Trong đó hai nhân tố "Liên kết nhà cung cấp" và nhân tố "Liên kết nội bộ" là tác động cùng chiều, nhân tố "Quy mô lao động" tác động ngược chiều. Nhân tố có mức độ tác động lớn nhất là "Liên kết nhà cung cấp". Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho các cơ quan chức năng và hơn hết là các doanh nghiệp chế biến gỗ vừa và nhỏ trong tương lai có cái nhìn tổng quát hơn và cách để tạo lợi thế cạnh tranh, từ đó gia tăng hiệu quả sản xuất và lợi nhuận cho mình.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LÒNG TRUNG TRÀNH CỦA KHÁCH HÀNG ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG HIỆU CỬA HÀNG TIỆN ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Nguyễn Thanh Hằng*[a], *Nguyễn Thị Anh Thư*[a], *Đinh Minh Ngọc*[a]**
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Lê Thị Lan Hương*

[a]*E-BBA8A*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã xây dựng nên mô hình bao gồm 4 nhân tố và giải thích được 22.5% sự biến thiên trong mức độ trung thành của khách hàng đối với các thương hiệu cửa hàng tiện ích trên địa bàn thành phố Hà Nội. 4 nhân tố là: "Lòng tin", "Chất lượng dịch vụ", "Sự hài lòng" và "Tác động xã hội". Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng 2 nhân tố "Lòng tin" và "Tác động xã hội" có tác động trực tiếp đến lòng trung thành của khách hàng đối với các thương hiệu cửa hàng tiện ích và trong đó nhân tố" Tác động xã hội" có mức độ tác động lớn hơn. Bên cạnh đó, 2 nhân tố "Sự hài lòng" và "Chất lượng dịch vụ" chưa có sự tác động trực tiếp đến lòng trung thành của khách hàng trong trường hợp này. Từ kết quả của bước phân tích, nhóm nghiên cứu đưa ra những đề xuất hướng đến các thương hiệu cửa hàng tiện ích không chỉ trên phạm vi Hà Nội mà còn trên khắp Việt Nam để họ có được những chiến lược và mô hình kinh doanh tốt nhất trong bối cảnh nền kinh tế đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ. Sự cam kết thương hiệu và lòng trung thành của khách hàng sẽ là chìa khóa giúp doanh nghiệp đứng vững trong thị trường.

ẢNH HƯỞNG CỦA KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG TỚI THÁI ĐỘ NGƯỜI TIÊU DÙNG: NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG VIETJET AIR

***Nguyễn Thùy Dương*[a]**
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Phạm Thị Huyền*
[a]*Marketing CLC 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, tác giả tổng hợp được những kết quả nghiên cứu tiêu biểu như sau: (1) Khủng hoảng truyền thông được chứng minh là có mối quan hệ chặt chẽ đồng thời có tác động tiêu cực thậm chí là rất tiêu cực lên thái độ của người tiêu dùng; (2) Việc xử lí sau KHTT có tác động tích cực lên thái độ người tiêu dùng với hệ số tương quan Pearson = 0.873 và hệ số Beta đã chuẩn hóa = 0.75; (3) Mối quan hệ giữa thái độ và ý định hành vi được chứng minh là có tương quan và thái độ có tác động thuận chiều lên ý định hành vi với hệ số tương quan Pearson = 0.685; (4) Những nhóm người tiêu dùng là nữ, độ tuổi từ 18-25, thu nhập dưới 3 triệu/tháng có xu hướng hình thành thái độ và đánh giá tiêu cực hơn với những nhóm người còn lại; (5) NTD có hành vi tẩy chay thương hiệu, đắn đo khi sử dụng dịch vụ và có đến 45.5% số người nghiêng về khả năng không sử dụng dịch vụ của hãng trong tương lai.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA INSURTECH TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

***Trương Thị Ngọc Ánh*[a], *Trịnh Nguyễn Hà Nhung*[a], *Trần Minh Phương*[a], *Nguyễn Minh Quang*[a]**
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Nguyễn Xuân Tiệp*
[a]*Kinh tế Bảo hiểm 58*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 3 nhân tố giải thích được 47,8% sự phát triển InsurTech tại Việt Nam theo sự đánh giá khách quan của khách hàng, đó là các nhân tố "Sự hỗ trợ của Nhà Nước", "Nguồn lực của các doanh nghiệp bảo hiểm" và "Nhu cầu của khách hàng". Trong đó, sự phát triển InsurTech tại Việt Nam theo đánh giá khách quan của khách hàng chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ biến "Nhu cầu của khách hàng"; thứ hai là biến "Nguồn lực của các doanh nghiệp bảo hiểm"; và thấp nhất là biến "Sự hỗ trợ của Nhà Nước". Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào chỉ ra được các nguyên nhân gây hạn chế cho sự phát triển InsurTech tại Việt Nam và từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp đối với Nhà nước, người tiêu dùng bảo hiểm và các doanh nghiệp bảo hiểm để có thể phát triển InsurTech tại Việt Nam cũng như là bắt kịp xu thế phát triển InsurTech trên Thế giới trong thời gian tới.

PHẢN ỨNG CỦA NỮ LAO ĐỘNG ĐỚI VỚI VIỆC THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH TRONG CÁC TÍNH LƯƠNG HƯU: NGHIÊN CỨU KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

***Phạm Hải Quỳnh*[a], *Phan Minh Quang*[a], *Phạm Phương Thảo*[a],**
***Nguyễn Đặng Trúc Quỳnh*[b], *Phạm Thái An*[c]**
Giáo viên hướng dẫn: *Ths. Tô Thị Thiên Hương*
[a]*Bảo hiểm Xã hội 58;* [b]*Kinh tế Bảo hiểm 59;* [c]*AEP Tài chính Tiên tiến*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 2 nhân tố giải thích được 15.1% về phản ứng của nữ lao động với việc thay đổi chính sách, đó là các nhân tố "Chất lượng lao động", "Chất lượng cuộc sống". Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam và đặc biệt sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách biết rõ hơn về thái độ hiện nay của nữ lao động về vấn đề thay đổi chính sách trong cách tính lương hưu để từ đó có những chính sách phù hợp, nhận được sự chấp thuận và ủng hộ của đông đảo người dân.

MÓN ĂN HUẾ MANG DẤU ẤN VĂN HÓA MƯỜNG THEO GÓC NHÌN LỊCH SỬ

Phạm Thị Hồng Phúc[a], Phạm Thị Phương Thảo[a], Nguyễn Phương Thảo[a]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS.TS. Lại Phi Hùng*
[a]POHE Quản trị Lữ hành 57

Tóm tắt nghiên cứu

Sau quá trình thực hiện công trình nghiên cứu, nhóm đã đưa ra được một số kết quả đáng chú ý. Trước hết đề tài đã đưa ra những dẫn luận cho thấy phần đông người Thanh hóa có nguồn gốc là người Mường. Đồng thời chỉ ra câu chuyện lịch sử về sự di chuyển cư dân thời chúa tiên Nguyễn Hoàng từ Thanh Hóa vào Huế. Chính cuộc di dân này đã gián tiếp dịch chuyển văn hóa Mường từ Thanh Hóa vào Huế và đồng thời mang ẩm thực của người Mường tác động tới món ăn Huế. Tức là món ăn dân gian qua sự chuyển dịch bởi thói quen ăn uống sinh hoạt của chúa tiên Nguyễn Hoàng hoặc có thể do cách chế biến của những đầu bếp dân gian đã được cung đình hóa trở thành món ăn Huế như hiện tại Như vậy công trình nghiên cứu với mục tiêu cơ bản là từ những dẫn chứng đã được kiểm định, chứng minh sự ảnh hưởng của văn hóa Mường tới món ăn Huế. Từ đây, đưa ra cái nhìn mới cho người yêu ẩm thực nói riêng và những người tìm hiểu về văn hóa nói chung. Mở rộng ra, trong vấn đề về ngành du lịch, có thể sử dụng đề tài làm kiến thức phục vụ cho nghiệp vụ hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại các điểm du lịch có liên quan. Bên cạnh đó,từ đề tài này có thể phát triển của loại hình tour du lịch văn hóa, sinh thái tìm về nguồn gốc món ăn Huế.

PHÒNG CHỐNG TÁC ĐỘNG CỦA THÔNG TIN SAI TRÁI TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG ĐẾN SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

Trần Minh Quang[a], Trịnh Nguyễn Anh Khôi[b]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Bùi Trung Hải*
[a]Kiểm toán 58; [b]IBD.13

Tóm tắt nghiên cứu

Xuất phát từ thực tiễn, yêu cầu đòi hỏi của xã hội đối với việc phòng chống tác động của thông tin sai trái trên không gian mạng hiện nay cần được tập trung thực hiện có hiệu quả một số giải pháp cơ bản, đó là: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chủ thể và các lực lượng đối với phòng chống tác động của thông tin sai trái trên không gian mạng đến sinh viên; thường xuyên đổi mới, nội dung, hình thức, biện pháp phòng chống; phát huy sức mạnh tổng hợp các tổ chức, lực lượng tham gia phòng chống; Đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa sư phạm lành mạnh; tổ chức hoạt động phong trào thi đua, khen thưởng gắn với phòng chống tác động của thông tin sai trái trên không gian mạng đến sinh viên các trường đại học công lập trên địa bàn Hà Nội hiện nay.

CÁC YẾU TỐ THÚC ĐẨY MỐI QUAN HỆ TỪ Ý ĐỊNH ĐẾN HÀNH VI SỬ DỤNG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN ĐIỆN TỬ: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đỗ Thị Mai Hương[a], Tống Khánh Linh[a], Lý Minh Trí[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS.Khúc Thế Anh*
[a]Ngân hàng 57B

Tóm tắt nghiên cứu

Nghiên cứu chỉ ra rằng có 7 yếu tố *Tính hữu ích, Tính dễ sử dụng, Tính bảo mật, Chi phí chuyển đổi, Điều kiện thuận lợi, Ảnh hưởng xã hội, Sự hỗ trợ của Chính phủ* có tác động đến ý định và hành vi sử dụng phương thức thanh toán điện tử, theo đó kết quả phân tích dữ liệu nghiên cứu cho thấy các nhân tố *Điều kiện thuận lợi (TL), Ý định sử dụng (YD)* tác động đến *Hành vi sử dụng (HV)*. Trong đó quan trọng nhất là *Ý định sử dụng* có quan hệ thuận chiều với *Hành vi sử dụng*. Không chỉ có thể trở thành tư liệu góp phần nghiên cứu về lĩnh vực thanh toán điện tử trong nước nói chung, nghiên cứu này cũng cung cấp một cơ sở để các tổ chức cung cấp dịch vụ này đề ra các kế hoạch Marketing, các chiến lược phát triển sản phẩm cụ thể, thúc đẩy kết quả kinh doanh. Đề tài cũng đóng góp những giải pháp thích hợp, khả thi để hoàn thiện hơn khả năng cung ứng dịch vụ thanh toán điện tử của các doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN TRI THỨC ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Minh Ánh[c], Nguyễn Thị Hồng Liên[c], Trần Thị Thùy Linh[c], Nguyễn Thị Hồng Trâm[c]
Giáo viên hướng dẫn: *Ths. Doãn Thùy Dương*

[c]Kiểm toán 57

Tóm tắt nghiên cứu

Vốn tri thức được đo lường bằng hệ số giá trị gia tăng (VAIC), mối quan hệ giữa hệ số giá trị gia tăng cũng như các yếu tố cấu thành hệ số này là hiệu quả vốn con người (HCE), hiệu quả vốn cấu trúc (SCE), hiệu quả sử dụng vốn (CEE) với hiệu quả hoạt động tài chính đều được đo lường trong bài viết. Kết quả của mô hình hồi quy cho thấy VAIC và các yếu tố của nó có ảnh hưởng tích cực đến HQHĐ tài chính đo lường bằng phương pháp kế toán của doanh nghiệp nhưng không có ảnh hưởng đến HQHĐ tài chính đo lường bằng phương pháp thị trường. Những phân tích và kết luận được rút ra trong nghiên cứu có ý nghĩa đối với các nhà quản lý, nhà đầu tư và các nhà lập chính sách.

ẢNH HƯỞNG CỦA LIÊN KẾT KHÁCH HANG VÀ LIÊN KẾT NỘI BỘ TỚI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TRANG TRẠI VÀ HỢP TÁC XÃ: NGHIÊN CỨU TRONG CHUỖI CUNG ỨNG NÔNG SẢN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Lại Trung Kiên[a]; Phạm Thị Phương Oanh[a]; Lê Phương Thảo[a] ; Phạm Nam Anh[a]; Nông Thành Kiên[b]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Lại Mạnh Khang*
[a] *TMQT57;* [b]*QTKDTH 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã sử dụng mô hình của các nghiên cứu đi trước giải thích sự tác động qua lại của các nhóm nhân tố " liên kết khách hàng" và "Liên kết nội bộ" tới kết quả sản xuất và hiệu quả tài chính . Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho bộ giao nông nghiệp, các cơ quan chức năng và hơn hết là các chủ hộ gia đình kinh doanh nông sản trong tương lai có những giải pháp để nâng cao giá trị chuỗi cung ứng nông sản tại vùng đồng bằng sông Hồng

NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ CHUNG CƯ TẠI ĐÔ THỊ: ĐÁNH GIÁ DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CƯ DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Lê Hồng Nhung[a], Nguyễn Thu Huyền[a], Trần Minh Yến[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS.Nguyễn Thanh Lân*
[a]*Kinh tế Bất động Sản và Địa chính 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Nhóm đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu kết hợp để phân tích thực trạng chính sách quản lý và sử dụng đánh giá chính sách nhà chung cư trên địa bàn Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung .Qua đó đánh giá được hiệu quả thực hiện chính sách trong thực tế hiện nay cũng như phân tích được các vấn đề bất cập về chính sách trong quản lý sử dụng chung cư dưới góc nhìn của người dân sống. Từ đó đưa ra định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý và sử dụng nhà chung cư tại các đô thị. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị để chính sách quản lý và sử dụng chung cư hoàn thiện hơn, góp phần ổn định hóa thị trường bất động sản phân khúc nhà ở chung cư. Điều này tác động tích cực đến sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.

ĐÁNH GIÁ NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỀ BẢO HIỂM Y TẾ NHÀ NƯỚC

Bùi Minh Hằng[a], Trần Thu Trang[a], Lê Hồng Thùy Linh[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Phan Anh Tuấn*
[a]Bảo hiểm Xã hội 57

Tóm tắt nghiên cứu

Các nhân tố được nhóm nghiên cứu đề xuất giải thích được 32,2% sự thay đổi của biến nhận thức. Cụ thể nhóm các yếu tố từ Bản thân người tham gia có tác động lớn nhất tới nhận thức, tiếp đó là Chất lượng cơ sở khám chữa bệnh và Tuyên truyền từ Chính Phủ. Tất cả mẫu nghiên cứu tiếp cận được 2 giai đoạn đầu trên 4 giai đoạn của nhận thức là "Biết về sản phẩm" và "Biết giá". Tuy nhiên nhận thức về "Biết sử dụng" còn khá hạn chế mặc dù đây là tiêu chí quan trọng để đánh giá nhận thức của người dân và nó cũng ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của người tham gia BHYT. Qua bài phân tích và kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu đã đề xuất được một số giải pháp từ đó đưa ra định hướng và kiến nghị. Trong đó chủ yếu các kiến nghị đặc biệt chú trọng vào nâng cao nhận thức của chính người dân và theo chúng em đó là giải pháp quan trọng để tiến tới BHYT toàn dân theo định hướng của Đảng và Nhà nước một cách bền vững và hiệu quả nhất.

HÀNH VI ĐẠO VĂN CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Trịnh Thị Nhật Lệ[a], Nguyễn Thị Bích Phương[a], Nguyễn Thị Thơm[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Hoàng Thị Huệ*
[a]Kinh tế và quản lý nguồn nhiên liệu 57

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy: *chuẩn mực chủ quan, thái độ đạo văn, kiểm soát hành vi nhận thức, ý định và biện minh* có tác động đến hành vi đạo văn. Trong đó, *ý định* và *biện minh* có liên quan trực tiếp đến hành vi đạo văn. *Chuẩn mực chủ quan, thái độ đạo văn, kiểm soát hành vi nhận thức* có ảnh hưởng đến hành vi thông qua *ý định* và *biện minh*. Nghiên cứu cũng khẳng định trong bối cảnh Việt Nam, nhân tố *chuẩn mực chủ quan* không có tác động đến *biện minh*.Từ kết quả trên, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị giúp sinh viên định hình được *thái độ đạo văn*, thay đổi nhận thức về các *chuẩn mực chủ quan* và làm tăng *kiểm soát hành vi nhận thức* của sinh viên về hành vi đạo văn. Đồng thời, các bên liên quan (trường đại học, gia đình, sinh viên…) sẽ có những giải pháp cũng như chế tài nhằm hạn chế tình trạng đạo văn.

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN ĐẠT GIẢI BA NĂM 2018

NGHIÊN CỨU NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH LỰA CHỌN LÀM TRÁI NGÀNH NGHỀ CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Nguyễn Thị Linh Chi[a], Lê Quỳnh Anh[a], Nguyễn Xuân Diễm Hương[a]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Vũ Huy Thông*
[a]Quản trị marketing 57

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả thu được từ 225 câu trả lời của phỏng vấn định lượng đã cho thấy rằng, các đáp viên bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi yếu tố cá nhân, đặc biệt với nhóm sinh viên năm ba và năm tư, điều này là dễ hiểu khi chủ nghĩa cá nhân đang ngày càng lên ngôi. Đứng vị trí thứ hai là yếu tố gia đình, nhóm nhận thấy rằng, các thành viên trong gia đình có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi cá nhân, trong đó có vấn đề định hướng, lựa chọn nghề nghiệp cho các em. Ảnh hưởng từ sự lựa chọn mới cũng là yếu tố được các đáp viên cân nhắc khi có ý đinh lựa chọn làm công việc trái ngành nghề. Đa phần các đáp viên lựa chọn chuyển sang lĩnh vực Kinh tế - Kinh doanh và Dịch vụ - Xã hội do đây là lĩnh vực có rào cản chuyển đổi từ ngành kinh tế sang thấp. Thêm vào đó, những cá nhân có ý định làm trái ngành đồng thời sẽ phần nào bị ảnh hưởng bởi nhóm tham khảo, truyền thông và trường THPT và ĐH tuy nhiên thấp hơn so với 3 nhóm đã đề cập ở trên. Từ những phân tích về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trên, nhóm đã tiến hành đưa ra các kiến nghị và đề xuất ứng với từng vấn đề nhằm tác động một cách toàn diện theo nhiều khía cạnh, dần tiến tới hạn chế ý định làm trái ngành nghề được đào tạo tại ĐH của sinh viên và giải quyết tận gốc vấn đề làm trái ngành còn tồn tại trong xã hội hiện nay.

NGHIÊN CỨU MỐI QUAN HỆ GIỮA CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VỚI KHẢ NĂNG SINH LỢI TRONG CÁC CÔNG TY KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Ngọc Lan[a], Đặng Thị Huyền[a], Trần Thị Thanh Hà[a], Trương Thị Diệp[a], Nguyễn Thế Chung[a]
Giáo viên hướng dẫn: *GS. TS. Nguyễn Văn Công*
[a]Kế toán 57C

Tóm tắt nghiên cứu

Bài nghiên cứu được thực hiện với mục đích chứng minh được mối liên hệ giữa chi phí quản lý doanh nghiệp và khả năng sinh lợi trong các công ty kinh doanh bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Cụ thể: chi phí quản lý doanh nghiệp có tác động tới cả tỷ suất sinh lợi của tài sản, tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu và tỷ suất sinh lời của vốn sử dụng, nhưng lại không có mối tương quan tới tỷ suất sinh lời của doanh thu. Bài nghiên cứu không chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu mối tương quan tuyến tính giữa các biến độc lập là cơ cấu chi phí quản lý doanh nghiệp với biến phụ thuộc là bốn chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lợi, mà còn tìm ra được mô hình chi phí quản lý doanh nghiệp lý tưởng, áp dụng cho riêng Vingroup. Bằng phương pháp hồi quy tuyến tính với sự giúp đỡ của phần mềm EVIEW 10 để phân tách chi phí quản lý ra thành biến phí và định phí theo mức độ hoạt động của doanh nghiệp, bài nghiên cứu đã tìm ra được biến phí đơn vị cho từng loại chi phí trong chi phí quản lý doanh nghiệp, tại đó khả năng sinh lợi của tài sản của Vingroup là tối đa.

KỸ NĂNG CỦA SINH VIÊN CHÍNH QUY: NGHIÊN CỨU SO SÁNH GIỮA NHÓM THAM GIA VÀ KHÔNG THAM GIA CLB/SVTN

Tăng Sơn Lộc[a], Nguyễn Thị Kiều Trang[a], Phạm Thị Thu Hương[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Đinh Viết Hoàng*
[a]Quản lý kinh tế 58

Tóm tắt nghiên cứu

Đề tài đã tìm ra được những tác động mà các câu lạc bộ mang lại cho kỹ năng của các bạn sinh viên. Các tác động tích cực mà việc tham gia mang lại trải đều trên cả hai phương diện kĩ năng cứng và kĩ năng mềm. Các kết quả này đều đã được kiểm định chính xác và có ý nghĩa thống kê. Thông qua đề tài các bạn sinh viên sẽ có được một cái nhìn tổng quát về những lợi ích khi tham gia vào một câu lạc bộ, tổ đội tình nguyện bất kì. Qua đó khuyến khích mỗi bạn sinh viên nên lựa chọn cho mình một câu lạc bộ để có thể phát triển bản thân, đồng thời giúp các câu lạc bộ có thể nhìn thấy các tác động mà mình mang lại để có thể phát huy tốt hơn nữa. Cuối cùng những đề xuất của đề tài sẽ là những tiền đề cho các nghiên cứu về sau phát triển sâu hơn và tìm ra những khía cạnh mới.

NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG VÀ SỰ HÀI LÒNG VỀ CUỘC SỐNG TẠI CHUNG CƯ CAO TẦNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TẠI HÀ NỘI

Trần Thị Kim Dung[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Nguyễn Đức Kiên*
[a]Kinh doanh Bất động sản 58

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy, CLCS NCT và sự hài lòng của NCT về nơi ở chịu ảnh hưởng của 5 nhóm yếu tố: nhà ở; các dịch vụ, tiện ích; các mối quan hệ và gắn kết xã hội; giao thông công cộng, thư giãn-giải trí và yếu tố nhà ở đóng vai trò quan trọng nhất. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, mức độ hài lòng của NCT về một yếu tố không thật tương xứng với sự cần thiết, tầm quan trọng của chúng. Bên cạnh đó, đề tài đã bước đầu phản ánh được thực trạng CLCS tại chung cư cao tầng của NCT, sự hài lòng của NCT về CLCS, đồng thời đưa ra các nguyên nhân và kiến nghị nhằm nâng cao CLCS của NCT tại chung cư cao tầng. Nội dung của đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu sau khi tiếp tục khai thác sâu vào chủ đề này.

TÌM HIỂU TÁC ĐỘNG CỦA TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN LÊN MẤT CÂN BẰNG THU NHẬP CỦA CÁC QUỐC GIA THUỘC VÙNG KINH TẾ CHUYỂN ĐỔI, TRONG ĐÓ CÓ VIỆT NAM

***Phan Thị Hoài Thương*[b]**
Giáo viên hướng dẫn: *NCS Hồ Hoàng Lan*
[b] *IBD.UWE I10*

Tóm tắt nghiên cứu

(1) Đối tượng nghiên cứu là các quốc gia thuộc vùng kinh tế chuyển đổi - có những tương đồng về sự chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường. (2) Nghiên cứu áp dụng 2 cách tính chỉ số tài chính toàn diện khác nhau để tìm hiểu sự tác động lên mất cân bằng thu nhập, kiểm tra sự khác biệt trong kết quả phân tích ước lượng kinh tế. (3) Nghiên cứu kiểm tra mức độ tác động của tài chính toàn diện lên mất cân bằng thu nhập của các nhóm quốc gia có thu nhập cao và thu nhập thấp; nhóm quốc gia có tài chính yếu và tài chính mạnh.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI DỰ ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÓI CHUNG VÀ ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

***Hoàng Thị Như Quỳnh*[a], *Vũ Văn Hoàng Nam*[a], *Nguyễn Thị Thanh*[a], *Nguyễn Thị Hạnh*[a]**
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Hoàng Thị Thu Hương.*
[a]*Quản trị Lữ hành 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Công trình nghiên cứu của nhóm đã tìm ra được 3 nhóm yếu tố, ảnh hưởng tới 72.9% tới sự biến động của dự đinh chọn trường, được sắp xếp theo thứ tự giảm dần mức độ ảnh hưởng gồm: Đặc điểm trường đại học Kinh tế quốc dân, đội ngũ giảng viên và bản thân học sinh; Ảnh hưởng của nhóm tham khảo; Hoạt động tư vấn tuyển sinh. 3 yếu tố mới được phát hiện gồm: Ngành đào tạo của trường đại học, Môi trường học tập rèn luyện và Sở thích của học sinh. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra những khía cạnh cu thể hơn của yếu tố "Đặc điểm của đội ngũ giảng viên", gồm có: Kinh nghiệm giảng dạy, Học hàm học vị, Uy tín của giảng viên và Phương pháp giảng dạy. Kết quả của nghiên cứu có thể được sử dụng để làm tài liệu tham khảo cho Hội đồng tuyển sinh trường đại học Kinh tế quốc dân để sửa đổi hoặc đề ra các phương án mới cho công tác tuyển sinh, nhằm nâng cao hiệu quả tuyển sinh trong các năm học tới. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng có thể là cơ sở để phát triển, mở rộng phạm vi nghiên cứu, mang lại những kết quả có lợi ích lớn hơn cho trường đại học Kinh tế quốc dân và các trường đại học nói chung.

TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CẤU CHI PHÍ VÀ ĐÒN BẨY HOẠT ĐỘNG TỚI KHẢ NĂNG SINH LỢI CỦA DOANH NGHIỆP DƯỢC PHẨM ĐƯỢC NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Phạm Thanh Minh[b], Dương Thu Phương[b], Nguyễn Mai Hương[b], Nguyễn Thị Thu Hiền[b], Nguyễn Ngọc Thiện[b]

Giáo viên hướng dẫn: *TS. Phạm Thị Thủy.*

[b]*Kiểm toán 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Trải qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra rằng chi phí hoạt động kinh doanh của các công ty dược phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với doanh thu với hệ số biến phí trên doanh thu rất cao, cơ cấu chi phí của các doanh nghiệp này chủ yếu là chi phí biến đổi, ít chi phí cố định nên độ lớn đòn bẩy hoạt động của các doanh nghiệp này rất thấp dẫn đến sự thay đổi của doanh thu sẽ ít có tác động tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Với bài nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu hy vọng mang đến cho các nhà ban hành chính sách, các công ty nói chung các công ty dược phẩm được niêm yết trên sàn chứng khoán nói riêng, có cái nhìn sâu sắc hơn trong xây dựng cơ cấu chi phí hợp lí và đưa ra những quyết định chính xác nhằm nâng cao khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.

SINH VIÊN HÀ NỘI VỚI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0: THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO SINH VIÊN

Nguyễn Thị Thúy Phương[a], Chu Hải Yến[a], Trần Thị Thùy Dương[a], Lương Thị Linh Đan[a]

Giảng viên hướng dẫn: *PGS.TS Đặng Thị Lệ Xuân*

[a]*Kinh tế phát triển 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu đã tổng hợp và đưa ra được những kĩ năng cần thiết, và những kĩ năng còn hạn chế từ đó đưa ra khuyến nghị giúp sinh viên ứng phó với thị trường lao động 4.0 trong tương lai. Đây cũng là cơ sở để học sinh, sinh viên tự ý thức được việc trau dồi, phát triển các kỹ năng của bản thân cùng với đó các trung tâm, cơ sở đào tạo thay đổi chiến lược, kế hoạch đào tạo để giảng dạy và tạo môi trường thực hành các kỹ năng cũng như phát triển tư duy cho học sinh, sinh viên.

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ TƯƠNG TÁC GIỮA GIẢNG VIÊN VÀ HỌC SINH - SINH VIÊN

Phùng Thị Hoài Chi[a], Vũ Thị Ngọc Lan[c], Nguyễn Thị Thảo[c], Trần Minh Trang[c]

Giảng viên hướng dẫn: *Th.S Nguyễn Duy Tuấn*

[a]Kinh tế đầu tư 57; [c]Kinh tế đầu tư 57

Tóm tắt nghiên cứu

Thông qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng có 4 nhân tố chính ảnh hưởng đến mức độ tương tác giữa người dạy và người học: nhân tố gia đình, nhân tố chia sẻ, nhân tố văn hoá và nhân tố môi trường học tập. (1) Gia đình là nền tảng, ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình hình thành và phát triển của mỗi người. (2) Quan tâm chía sẻ những bài học xã hội, cuộc sống hay thảo luận về bài học trên lớp, chia sẻ những quan điểm cá nhân của mình sẽ khiến cho người dạy có sức hút trên bục giảng. (3) Văn hoá vùng miền là rào cản trong giao tiếp. (4) Môi trường học tập là yếu tố ảnh hưởng lớn đến chất lượng học tập, môi trường định hướng hoạt động của con người theo một khuôn khổ nhất định, góp phần tạo nên mục đích, động cơ, phương tiện và điều kiện cho hoạt động giao lưu cá nhân. Những khuyến nghị đưa ra của nhóm nghiên cứu sẽ là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước, trường học và gia đình có những biện pháp nhằm khuyến khích tính chủ động của học sinh - sinh viên khi đến trường.

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN Ý ĐỊNH SỬ DỤNG SẢN PHẨM QUA KÊNH BANCASSURANCE CỦA KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Thị Bình[b], Mai Thị Chiến[b], Trần Thanh Duyên[b]

Giáo viên hướng dẫn: *Th.S. Nguyễn Thành Trung*

[b]Tài chính doanh nghiệp 57

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 4 nhân tố giải thích được 56.7% ý định sử dụng sản phẩm Bancassurance của khách hàng cá nhân trên địa bàn TP Hà Nội. Các nhân tố sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng giảm dần đó là "Sự hấp dẫn của việc mua BH qua kênh truyền thống", "Nhận thức kiểm soát hành vi", "Thái độ đối với sản phẩm" và cuối cùng là "Chất lượng dịch vụ cung cấp sản phẩm Bancassurance". Bài nghiên cứu đã khái quát được vị trí và tình hình phát triển của Bancassurance trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các ngân hàng có thể căn cứ vào đó đưa ra các giải pháp thúc đẩy hành vi mua sản phẩm Bancassurance của người tiêu dùng, góp phần nâng cao doanh thu cho các ngân hàng và công ty bảo hiểm từ kênh phân phối đầy tiềm năng này.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH ĐI DU HỌC BẬC ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Vũ Minh Ngọc[a], Lý Yến Nhi[a], Nguyễn Ngọc Diệp[a], Trương Thị Hoa[b]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Phạm Thị Huyền*
[a]Tài chính Tiên tiến 57; [b]Ngân hàng CLC 57

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 5 nhân tố giải thích được 53.2% mức độ của sự ảnh hưởng tới ý định du học, đó là các nhân tố "Cá nhân", "Gia đình và những người xung quanh", "Chất lượng giáo dục nước ngoài", "Chất lượng hệ thống giáo dục trong nước" và "Truyền thông''. Trong đó mức độ ảnh hưởng tới ý định du học đối với học sinh THPT trên địa bàn Hà Nội đối với nhân tố "Gia đình và những người xung quanh" và cao nhất, sau đó là nhân tố "Cá nhân", nhân tố "Truyền thông", nhân tố "chất lượng hệ thống giáo dục trong nước", và có mức độ ảnh hưởng thấp nhất là nhân tố "Chất lượng hệ thống giáo dục nước ngoài". Kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho các cha mẹ cân nhắc khả năng tài chính của gia đình, học lực của con cái để định hướng cho con một lộ trình học tập phù hợp;đồng thời giúp các trung tâm du học xây dựng một chiến lược hiệu quả; và kiến nghị cho các trường Đại học tại Việt Nam những thay đổi tích cực trong phương pháp giảng dạy, mô hình giáo dục để thu hút sinh viên hơn.

PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ PHƯƠNG PHÁP HỌC CÁC MÔN HỌC NGÀNH KẾ TOÁN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Trần Tú Quyên[c], Ngô Thị Khánh Linh[c], Nguyễn Thị Quỳnh Nga[c], Hoàng Hải Yến[c]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Đặng Thị Thuý Hằng.*
[c]Kiểm toán 57

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra, hiện nay phương pháp giảng dạy và phương pháp học các môn học ngành Kế toán tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân tương thích và giao thoa giữa truyền thống với hiện đại. Nghiên cứu chỉ ra có sự khác biệt trong việc đánh giá về Phương pháp dạy và Phương pháp học các môn học ngành Kế toán từ phía các giảng viên và sinh viên, giảng viên có cái nhìn tích cực hơn sinh viên về cả phương pháp dạy và phương pháp học. Kết quả cũng cho thấy không có sự khác biệt trong việc đánh giá về phương pháp dạy và phương pháp học các môn ngành Kế toán hiện nay tại Đại học Kinh tế quốc dân giữa nam và nữ (bao gồm cả giảng viên và sinh viên), giữa các sinh viên chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán, giữa các giảng viên giảng dạy các bộ môn khác nhau, giữa các giảng viên có độ tuổi khác nhau. Mặc dù vậy, có sự khác biệt về phương pháp học của sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4. Ngoài ra, có sự khác biệt giữa phương pháp học các môn chuyên ngành của các sinh viên hệ chính quy so với sinh viên hệ vừa học vừa làm.

PHÂN TÍCH THỰC NGHIỆM HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ GIAI ĐOẠN 2007 - 2013

Lê Thị Hương Huệ[a], Nguyễn Văn Thành[a], Đào Quốc Huy[a], Nguyễn Thị Liên[a]
Giảng viên hướng dẫn: *PGS.TS.Nguyễn Thị Minh*
[a]Toán kinh tế 57

Tóm tắt nghiên cứu

Từ kết quả nghiên cứu nhóm tác giả kết luận rằng, quy mô vốn, trình độ chuyên môn, hình thức sở hữu doanh nghiệp, thời gian hoạt động của doanh nghiệp, giới tính và biến khủng hoảng đều có tác động đến năng suất lao động. Cụ thể doanh nghiệp có quy mô vốn càng cao và trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp càng cao thì năng suất lao động càng cao. Doanh nghiệp là doanh nghiệp TNHH/ CTCP có năng suất lao động cao hơn doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước. Chủ doanh nghiệp giới tính nữ có năng suất lao động của doanh nghiệp giới tính nam, khủng hoảng kinh tế ít ảnh hưởng đến doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của doanh nghiệp đều cùng chiều với kết quả mô hình năng suất lao động là quy mô vốn, thời gian hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra còn biến vị trí địa lý của doanh nghiệp ở các tỉnh và quy mô lao động cũng ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của doanh nghiệp. Mong rằng với kết quả nghiên cứu của nhóm sẽ góp một phần nào đó giúp doanh nghiệp SME Việt Nam có năng suất lao động và hiệu quả cao hơn, tăng sức canh tranh trong thị trường trong và ngoài nước.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Lê Thị Trang Nhung[a], Nguyễn Thị Thanh Tâm[a], Nguyễn Thị Hương Giang[a], Đinh Văn Thắng[a], Đàm Xuân Văn[a]
Giảng viên hướng dẫn: *Th.NCS Lê Huỳnh Mai*
[a]Kinh tế phát triển 58

Tóm tắt nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu đề tài, nhóm nghiên cứu về cơ bản đã thực hiện được hết những điều sau: *Thứ nhất,* đề tài đã xây dựng được khung lý thuyết về thương mại điện tử và phát triển thương mại điện tử trong các doanh nghiệp Việt Nam, đề ra được các tiêu chí đánh giá về cả mặt lượng và mặt chất của phát triển thương mại điện tử. *Thứ hai,* dựa vào kinh nghiệm phát triển thương mại tử của 1 số quốc gia trên thế giới để đề xuất ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, nhóm nghiên cứu đã xây dựng được một số điều kiện để phát triển thương mại điện tử. *Thứ ba,* căn cứ vào khung lý thuyết đã được xây dựng, đề tài tập trung đánh giá thực trạng phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2017 dựa trên các tiêu chí đánh giá mà nhóm nghiên cứu đã đưa ra. *Thứ tư*, trên cơ sở phân tích đề tài đã xác định được những điểm mạnh, điểm yếu cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam. *Thứ năm,* đề tài đề xuất ra được một số giải pháp phát triển thương mại điện tử Việt Nam

ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN TÌNH TRẠNG BẮT NẠT QUA MẠNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Việt Anh[a]; [a]Nguyễn Linh Huyền; [a]Vũ Ngọc Mai; [a]Nguyễn Anh Thư; [a]Nguyễn Ngọc Trâm
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Nguyễn Duy Tuấn*
[a]Kinh tế đầu tư 57C;

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm đã tập trung giải đáp được các vấn đề lớn:

- Đối tượng của bắt nạt qua mạng phần đông tập trung ở độ tuổi thanh thiếu niên do họ là nhóm thường xuyên sử dụng mạng xã hội hơn cả;
- Trong số những đối tượng tham gia vào bắt nạt qua mạng thì nhiều người cũng đã từng là nạn nhân của cuộc bắt nạt này;
- Bắt nạt qua mạng ngày càng phổ biến và hậu quả để lại cũng vô cùng nghiêm trọng, tuy nhiên hiện nay hiểu biết của mọi người về vấn đề này còn rất hạn chế.

Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho các bậc phụ huynh, nhà trường, xã hội và chính bản thân những đối tượng của bắt nạt qua mạng có cái nhìn đúng đắn hơn, từ đó có các biện pháp phòng tránh, khắc phục được tình trạng này.

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TRUYỀN MIỆNG ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG XÃ HỘI FACEBOOK VÀ Ý ĐỊNH MUA ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG THỰC PHẨM CHỨC NĂNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Nguyễn Tuấn Duy[a], Lê Hà Minh Anh[a], Lê Anh Thư[b], Đặng Phương Anh[b]

Giáo viên hướng dẫn: *Tiến sĩ Phạm Văn Tuấn.*

[a]Quản trị bán hàng 57; [b]Thẩm định giá 58

Tóm tắt nghiên cứu

Như vậy, qua quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy có năm yếu tố ảnh hưởng đến truyền miệng điện là ***nhu cầu xã hội, độ tin cậy của thông tin, trình độ chuyên môn, sự đồng nhất và sức mạnh của mối quan hệ*** và hai yếu tố chính tác động tích cực tới ý định mua thực phẩm chức năng của người tiêu dùng là: Trình độ chuyên môn và nhu cầu xã hội. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho các cơ quan kiểm soát của chính phủ, các cơ quan chức năng và hơn hết là các doanh nghiệp kinh doanh sản xuất TPCN trong tương lai có sự phân tích kĩ lưỡng và dự đoán cùng kiểm soát những tác động của nhân tố động cơ chia sẻ thông qua truyền miệng điện tử đến ý định mua TPCN trên mạng xã hội.

KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ NHU CẦU SỬ DỤNG DỊCH VỤ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CỦA SINH VIÊN CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Trần Thị Hải Yến[b], Trần Thị Xuân Quỳnh[b], Nguyễn Thanh Quang[b]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Nguyễn Bích Ngọc (A).*
[b]*Quản trị Kinh doanh Quốc tế 58*

Tóm tắt nghiên cứu

Đề tài đưa ra mô hình triển khai dịch vụ tư vấn hướng nghiệp và khảo sát con số về mức độ sẵn sàng chi trả của sinh viên. Có 43,3% trong số 480 sinh viên được khảo sát, tương ứng với 208 sinh viên, đồng ý trả phí để sử dụng dịch vụ tư vấn hướng nghiệp nếu dịch vụ này đảm bảo đáp ứng mong muốn của họ. Con số này là con số tiềm năng để có thể nghiên cứu triển khai dịch vụ tư vấn hướng nghiệp tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Đồng thời đề tài cũng chỉ ra rằng hiệu quả truyền thông trong công tác hướng nghiệp của trường vẫn còn chưa tốt, vai trò của cố vấn học tập chưa được phát huy. Những đề xuất trong đề tài phần nào giúp nhà trường đẩy mạnh được hoạt động hướng nghiệp, đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường liên kết đa phương và giúp sinh viên tạo ra được lộ trình tự đào tạo phù hợp hơn, hiện đại hơn để thích ứng với xu thế của thời đại.

MỐI QUAN HỆ GIỮA HÀNH VI TIÊU DÙNG VÀ LỐI SỐNG TỐI GIẢN CỦA GIỚI TRẺ HÀ NỘI

Trần Thị Kim Chi[a]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Nguyễn Thường Lạng*
[a]*KTQT 56A*

Tóm tắt nghiên cứu

Giới trẻ có độ tuổi từ 18-26, đặc biệt là sinh viên, chưa nhận thức đúng đắn về nhu cầu và giá trị bản thân đang tiêu dùng thiếu trách nhiệm, chưa có môi trường và phương pháp để trao đổi kiến thức, rèn luyện thói quen tiêu dùng. Lối sống tối giản là một lựa chọn giúp giới trẻ có thể nhận thức đúng đắn hơn về nhu cầu và giá trị bản thân để tiêu dùng và sống có trách nhiệm. LSTG không có nghĩa sống kham khổ, đạm bạc, xa lánh cuộc sống thực tế mà là chọn những gì tinh hoa nhất, thiết yếu nhất để đảm bảo chất lượng cuộc sống cao nhất. LSTG mang lại nhiều tích cực cho mọi người, như mong muốn đem lại giá trị cho cộng đồng, giúp cho mỗi người hiểu bản thân mình hơn, đi sâu vào nội tâm hơn. Kết quả nghiên cứu cho ra được lối sống hình thành hành vi và hành vi hoàn thiện lối sống. Một hành vi tiêu dùng bền vững hay không bền vững được hình thành từ nhận thức về lối sống. Con người muốn thay đổi tốt nhận thức cần hình thành lối sống lành mạnh để lối sống tác động trở lại hành vi. Từ những phân tích đó, mối quan hệ giữa hành vi tiêu dùng và lối sống tối giản được biểu hiện qua công thức sau:

LSTG[1] =TDBV[2] + Mức thỏa dụng tối đa =Tiêu dùng + Nhận thức + Mức thỏa dụng tối đa

[1]LSTG: Lối sống tối giả, [2]TDBV: Tiêu dùng bền vững

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VỀ NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ TRONG CÁC DỰ ÁN CẢI TẠO CHUNG CƯ CŨ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hường[a], Nguyễn Thị Hoài Thương[a], Nguyễn Út Huệ[a], Mai Thị Huyền Trang[a], Phạm Thanh Nga[a]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Nguyễn Thị Hải Yến*
[a]Kinh doanh bất động sản

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 7 nhân tố. Trong đó nhân tố "văn hóa xã hội" có mức độ hài lòng của người dân cao nhất, tiếp sau đó là nhân tố "dịch vụ tiện ích" và "sự đồng thuận về chính sách" nhân tố còn lại có thứ tự mức độ hài lòng lần lượt là "chất lượng nhà ở", "cảnh quan môi trường", "hạ tầng kĩ thuật" và "hệ thống quản lý tòa nhà". Kết quả nghiên cứu của nhóm phần nào sẽ giúp các bộ ban ngành nhà nước và các doanh nghiệp có cái nhìn khái quát về mức độ hài lòng của người dân về nhà ở tái định cư và các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của họ. Đóng góp vào nguồn tài liệu nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước đưa ra chính sách và doanh nghiệp có phương hướng chiến lược trong đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ.

BỘ CHỈ TIÊU NHẬN DIỆN CHUYỂN GIÁ

Phạm Thị Quỳnh[b], Nguyễn Thị Kim Vân[b], Trần Thị Hoa[b], Nguyễn Thị Hường[a]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Hà Thị Phương Dung*
[b]Kế toán 57; [a]Kiểm toán 57

Tóm tắt nghiên cứu

Sau quá trình nghiên cứu dựa trên báo cáo tài chính của một số công ty TNHH Coca-Cola, TNHH Posco Việt Nam,…, nhóm nghiên cứu đã đưa ra được một bộ chỉ tiêu nhận diện chuyển giá dựa trên các báo cáo tài chính này. Bộ chỉ tiêu bao gồm năm chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán (tài sản cố đinh, đầu tư vào công ty lien doanh liên kết, đầu tư vào đơn vị khác, thuế thu nhập hoãn lại và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối), chín chỉ tiêu báo cáo kết quả kinh doanh (doanh thu bán hang và cung cấp dịch vụ, giá vốn hang hóa,…) và mười hai chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ngoài ra còn một số chỉ tiêu khác như hệ số khả năng sinh lời, hệ số khả năng thanh toán,…Nghiên cứu giúp đưa ra một hệ thống chỉ tiêu giúp người đọc báo cáo tài chính có được dấu hiệu để nhận diện chuyển giá ở các công ty.

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH HIỆU LỰC CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Lê Đỗ Thùy An[a], Trần Thị Tố Giang[a], Vũ Thị Thu Hằng[a]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Đoàn Thanh Nga*
[a]Kiểm toán 57

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở chương 4 cho thấy: có 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu lực của kiểm toán nội bộ tại Việt Nam. Yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là "Hỗ trợ từ bên ngoài", hai yếu tố về "Đặc điểm của khách thể kiểm toán" và "Chất lượng của bộ phận kiểm toán nội bộ" có ảnh hưởng gần như ngang nhau đếu tính hiệu lực của kiểm toán nội bộ, trong khi đó, giả thuyết về Bối cảnh của tổ chức có ảnh hưởng đến tính hiệu lực của kiểm toán nội bộ bị bác bỏ. Cuối cùng, từ những kết quả thu được thông qua nghiên cứu này, nhóm đưa ra một vài đề xuất và các kiến nghị giúp xây dựng và cải thiện tính hiệu lực của kiểm toán nội bộ phù hợp với môi trường Việt Nam.

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI HNX

Đỗ Thị Hà Trang[c], Trịnh Hương Giang[c], Đoàn Thị Mai[c], Phạm Thị Minh Phương[c]
Giảng viên hướng dẫn: *T.S Nguyễn Thị Thanh Diệp*

[c]Kiểm toán 57

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, từ phương trình hồi quy chuẩn hóa nhóm nghiên cứu thấy được rằng, "Tính độc lập" là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến Chất lượng KTNB. Nhân tố ảnh hưởng thứ hai là Trình độ KTV nội bộ. Sau đó là các nhân tố ảnh hưởng ngược chiều Mối quan hệ giữa KTV nội bộ và KTV bên ngoài. Hai nhân tố ảnh hưởng cuối cùng là Hỗ trợ quản lí đối với KTNB và Tính ràng buộc của pháp luật. Những kết quả nghiên cứu về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng kiểm toán nội bộ, nhóm góp phần tăng thêm cơ sở lý thuyết cũng như cơ sở thực tiễn cho việc thiết lập cũng như đảm bảo chất lượng kiểm toán nội bộ ở Việt Nam hướng tới các chuẩn mực quốc tế.

MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN Ý ĐỊNH LÀM VIỆC SAU TUỔI NGHỈ HƯU CỦA LAO ĐỘNG TRUNG NIÊN TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đỗ Thị Hạnh[a], Lê Thị Hòa[a], Nguyễn Đức Lương[a], Lê Thị Trinh[a]

Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Phạm Hương Quỳnh*

[a] *Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực K57*

Tóm tắt nghiên cứu

Sau quá trình thu thập, phân tích dữ liệu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình gồm 04 nhân tố "Nhận thức về khả năng sức khỏe", "Nhận thức về áp lực tài chính", "Nhận thức về sự hỗ trợ của tổ chức", "Chuẩn mực của quan" đều có tác động cùng chiều đến ý định làm việc sau tuổi nghỉ hưu của lao động trung niên. Đặc biệt, hai nhân tố "Nhận thức về áp lực tài chính" và "Chuẩn mực của quan" có tác động mạnh nhất. Mặt khác, mô hình dự báo đúng số lượng người có ý định làm việc tương đương tỷ lệ chính xác 90,7 %. Tỷ lệ trung bình dự báo chính xác của mô hình là 89,9%. Do đó, bài nghiên cứu của nhóm có thể được xem là một trong những nghiên cứu giúp các nhà quản lý có cơ sở để tìm hướng tạo động lực phù hợp cho người lao động có trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc cao sẽ chấp nhận ở lại làm việc khi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu. Khi đó, việc tận dụng được nguồn lao động về hưu, vấn đề già hóa không còn là gánh nặng về kinh tế-xã hội của đất nước.

MỨC ĐỘ QUAN TÂM VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN NGÀNH HỌC LOGISTICS CỦA HỌC SINH THPT TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Nguyễn Phan Mỹ Linh[b], Nguyễn Thu Trang[b], Nguyễn Thị Phương Lan[b], Trịnh Thị Thanh Hương[b]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Đinh Lê Hải Hà*
[b]*Quản trị Kinh doanh Thương mại 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 4 nhân tố giải thích được 28.6% mức độ quan tâm của học sinh THPT khi lựa chọn ngành học logistics, đó là các nhân tố "Mức độ hiểu biết", "Sở thích cá nhân", "Việc làm, xu hướng tương lai" và "Các yếu tố khác". Trong đó mức độ quan tâm của học sinh phụ thuộc lớn nhất vào "Mức độ hiểu biết", giảm dần đối với "Sở thích cá nhân", "Việc làm, xu hướng tương lai" và "Các yếu tố khác". Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm đã đưa ra khuyến nghị cần thiết cho trường Đại học Kinh tế Quốc dân về cách thức tổ chức tuyển sinh, tuyên truyền thông tin rộng rãi cũng như các hoạt động hướng nghiệp; đồng thời cho phụ huynh học sinh để thấu hiểu con em, hỗ trợ, định hướng,…tất cả đem đến quyết định, lựa chọn chuẩn xác nhất cho các em học sinh

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG TMĐT CỦA AMAZON VÀ KINH NGHIỆM CHO CÁC DOANH NGHIỆP TMĐT VIỆT NAM

Nguyễn Thu Hiền[a]; Lê Thị Bích Ngọc[a;] Nguyễn Thị Sao Mai; [a]Đinh Thị Bích Ngọc[a]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Tạ Văn Lợi*
[a] Kinh doanh Quốc tế 57B

Tóm tắt nghiên cứu

Sau khi nghiên cứu mô hình hoạt động của sàn TMĐT Amazon, nhóm nghiên cứu đã đưa ra 4 vấn đề chính mà các DN TMĐT cần chú ý đó là: thanh toán điện tử, vận chuyển , chất lượng hàng hóa và liên kết thành chuỗi TMĐT. Về thanh toán, lợi thế trong xu hướng thanh toán của người dân Việt Nam, cùng với đó là sự hỗ trợ, thúc đẩy từ Nhà nước; các DN cần phải nhanh chóng vận dụng, mạnh mẽ thay đổi và cải thiện hệ thống thanh toán điện tử để tăng cường tỉ lệ khách hàng sử dụng phương thức thanh toán điện tử. Về vận chuyển, việc đẩy mạnh dầu tư công nghệ để đáp ứng nhu cầu giao nhận, vận chuyển hàng hóa nhanh nhất đến tay khách hàng nên là những ưu tiên hàng đầu của các DN TMĐT. TMĐT muốn phát triển thì không thể thiếu logistic. Về chất lượng hàng hóa, Nên nghiên cứu hành vi của khách hàng, phản hồi của khách hàng về bất kỳ một điều gì khi tham gia mua sắm trực tuyến cũng sẽ giúp DN TMĐT tốt hơn trong tương lai. Một kinh nghiệm cho các doanh nghiệp TMĐT tại Việt Nam muốn phát triển là nên liên kết thành chuỗi TMĐT .

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thu Trang - Kinh tế Bất Động sản và Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: *Th.S Nguyễn Thanh Lân*

Tóm tắt nghiên cứu

Những phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ giúp ích cho các doanh nghiệp, công ty bất động sản, các nhà đầu tư và các cơ quan liên quan có cái nhìn tổng quát hơn về BĐS nghỉ dưỡng và TTBĐS nghỉ dưỡng tại Việt Nam và trên Thế giới. Cụ thể:

- Khái quát được cơ sở lý luận về BĐS nghỉ dưỡng: Định nghĩa BĐS du lịch nghỉ dưỡng; phân loại BĐS nghỉ dưỡng; đặc điểm của BĐS du lịch nghỉ dưỡng; các nhân tố tác động đến giá trị của BĐS nghỉ dưỡng

- Khái quát được cơ sở lý luận về TTBĐS nghỉ dưỡng: Định nghĩa TTBĐS du lịch nghỉ dưỡng; đặc điểm của TTBĐS du lịch nghỉ dưỡng; các nhân tố tác động đến TTBĐS du lịch nghỉ dưỡng.

- Khái quát được nội dung phát triển TTBĐS du lịch nghỉ dưỡng: Xây dựng và tạo lập khung pháp lý cho thị trường; Phát triển cung – cầu – giá cả; Phát triển các dịch vụ tiện ích- các dịch vụ thị trường; Phương pháp định giá BĐS nghỉ dưỡng (Nguyên tắc định giá BĐS nghỉ dưỡng và lợi nhuận BĐS nghỉ dưỡng).

- Tổng hợp các chính sách để phát triển BĐS và TTBĐS du lịch nghỉ dưỡng.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THANG ĐO ĐO LƯỜNG THÁI ĐỘ CỦA TRẺ EM VỚI QUẢNG CÁO TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Ngọc Hà[a], Tan Guang Jun[a], Cao Mỹ Linh[a], Vũ Thị Mỹ Duyên[a]

Giáo viên hướng dẫn: TS. Lê Phạm Khánh Hoà

[a]POHE TT Marketing 58

Tóm tắt nghiên cứu

Sau quá trình thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả đã thu được những kết quả sau: về phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả đã đóng góp vào hệ thống phương pháp nghiên cứu phát triển thang đo thái độ với quảng cáo tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, thang đo rút ra từ nghiên cứu bao gồm: SỰ YÊU THÍCH và SỰ TIN TƯỞNG thay cho thang đo gồm 6 nhân tố (23 câu hỏi như trước). Kết quả mà nhóm tác giả hoàn thiện góp phần đề xuất cơ sở lý thuyết về thái độ của trẻ em đối với quảng cáo tại thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, khi nghiên cứu về thái độ của trẻ em với quảng cáo, chúng ta cần quan tâm đến yếu tố nhân khẩu, đặc biệt là biến khu vực địa lý. Cuối cùng, kết quả của nhóm gợi ý cho các doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu thực nghiệm có thể sử dụng để phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả các hoạt động marketing của doanh nghiệp hướng đến các sản phẩm dành cho trẻ em.

TÁC ĐỘNG CỦA NGÀNH KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH ĐẾN TĂNG TRƯỞNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TẠI TỈNH BẮC NINH VÀ NINH BÌNH

Nguyễn Hoài Anh[a], Lê Thị Phượng[a]; Đoàn Thu Trang[a]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS Vũ Thị Tuyết Mai*
[a]Kinh tế phát triển 57B

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu phân tích thấy CDCC ngành kinh tế đóng góp trung bình 18,42% vào tăng trưởng NSLĐ tại Ninh Bình trong khi con số này là 43,84% (gấp 2,4 lần) với nền kinh tế tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007-2016 và có xu hướng ngày càng tăng. Phân tích tác động của CDCC theo từng khu vực (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) cho thấy nhân tố ảnh hưởng chính đến tăng trưởng NSLĐ hai tỉnh là việc di chuyển lao động từ khu vực có NSLĐ thấp sang khu vực có NSLĐ cao hơn (tác động "tĩnh") mà chủ yếu là di chuyển vào khu vực công nghiệp, xây dựng. Điều này phản ánh giai đoạn đầu của quá trình CDCCKT và là tất yếu trong thời kì đầu CNH-HĐH. Bên cạnh đó, tác động "tĩnh" đã bắt đầu có xu hướng tăng dần vai trò đóng góp vào tăng trưởng NSLĐ, một vài ngành vừa tăng được NSLĐ bản thân ngành vừa tăng tỉ trọng làm việc trong ngành cho thấy sự chuyển dịch tích cực của ngành qua 2 giai đoạn như: Bán buôn, bán lẻ, sữa chữa ô tô, mô tô…; thông tin và truyền thông;… Kết quả phân tích của đề tài nhằm đóng góp và phục vụ cho việc thực hiện, đánh giá các chính sách phát triển ngành, phân bổ nguồn lực và tìm ra lối đi phù hợp thúc đẩy tăng NSLĐ nhanh và hiệu quả cho nền kinh tế hai tỉnh trên nói riêng và kinh tế quốc gia nói chung trong thời gian tới.

DỊCH VỤ Y TẾ CÔNG NGHỆ CAO Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG

Nguyễn Thị Việt Hà – Kinh tế quốc tế 56A
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Nguyễn Thường Lạng*

Tóm tắt nghiên cứu

Công trình nghiên cứu giới thiệu tổng quát về dịch vụ y tế công nghệ cao và các cam kết quốc tế về mở cửa thị trường, đề xuất định hướng và giải pháp phát triển cho dịch vụ y tế công nghệ cao của Việt Nam, kiến nghị đối với Nhà nước về các ngành liên quan để tạo điều kiện cho dịch vụ y tế phát triển dựa trên mô hình phân tích SWOT.

Đề tài nghiên cứu những vấn đề mới, đóng góp thêm những giải pháp có nghĩa thực tiễn cao trong cải thiện chất lượng dịch vụ y tế nói chung và trọng tâm phát triển dịch vụ y tế công nghệ cao. Đề tài cũng chỉ ra được những điểm bất cập và cần lưu ý trong thực trạng ngành dịch vụ y tế công nghệ cao ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2017, *định hướng đến năm 2020*.

NGHIÊN CỨU MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ NƯỚC SẠCH Ở HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thu[a] , Nguyễn Thị Ngọc[a,] Nguyễn Thị Oanh[a], Nguyễn Xuân Hiếu[b]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Nguyễn Minh Thu*
[a]TKKD 57, [b]TKKTXH 58.

Tóm tắt nghiên cứu

Qua nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ nước sạch trên địa bàn nội thành Hà Nội, nhận thấy mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ nước sạch Hà Nội đang ở mức khá với mức 3,43 điểm. Cùng với đó, nhóm nghiên cứu cũng chỉ ra được các nhân tố chất lượng dịch vụ có ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng theo thứ tự tầm quan trọng gồm: giá cả, sự tin cậy, sự hữu hình, nhân viên và sự đáp ứng. Mức độ hài lòng của khách hàng đối với các nhân tố này đều ở mức khá và không có sự chênh lệch đáng kể. Trên cơ sở đó, việc đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ nước sạch cũng nên được các nhà cung cấp nước sạch tiến hành định kỳ để nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của người dân, góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ nước sạch trên địa bàn Thủ đô.

MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN VỀ DỊCH VỤ BHYT HỌC SINH – SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

***Nguyễn Thị Mo*[a], *Phan Thị Thảo Yến*[a], *Nguyễn Thị Bích Phượng*[a]**
***Nguyễn Thị Mai Trang*[b], *Vũ Việt Hà*[c]**
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Tô Thị Thiên Hương*
[a]*KTBH58 B;* [b]*TCTT59 B;* [c]*TCTT59 A*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 4 nhân tố giải thích được 36.7% mức độ hài lòng của sinh viên khi tham gia BHYT học sinh- sinh viên tại Hà Nội, đó là các nhân tố "Cảm nhận khi đã sử dụng dịch vụ BHYT hoặc mong muốn nếu chưa sử dụng BHYT", "Thông tin trên thẻ" , "Độ tin cậy" và "Chi phí". Trong đó mức độ ảnh hưởng lớn nhất thuộc về nhân tố "Chi phí" tiếp theo lần lượt là các nhân tố "Độ tin cậy", "Cảm nhận khi đã sử dụng dịch vụ BHYT hoặc mong muốn nếu chưa sử dụng BHYT" và "Thông tin trên thẻ" có mức độ ảnh hưởng nhỏ nhất. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các cơ quan chức năng và hơn hết là cơ quan BHXH trong tương lai có cái nhìn tổng quát về thực trạng mức độ hài lòng của sinh viên về dịch vụ BHYT học sinh- sinh viên cũng như các nhân tố có thể ảnh hưởng đến sự hài lòng của họ.

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA YẾU TỐ NIỀM TIN VÀ RỦI RO CẢM NHẬN ĐẾN Ý ĐỊNH MUA MỸ PHẨM TRỰC TUYẾN CỦA THẾ HỆ Y (MILLENNIALS)

***Trần Thanh Ngân*[a], *Vũ Hà My*[a],*Nguyễn Phương Thảo*[a]**
Giáo viên hướng dẫn: *Tiến sĩ Doãn Hoàng Minh*
[a]*AEP Accounting K57;*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã xác định ý định mua mỹ phẩm

trực tuyến chịu ảnh hưởng bởi yếu tố niềm tin. Cụ thể, khi niềm tin vào mặt hàng mỹ phẩm trực tuyến cao hơn thì người tiêu dùng càng có ý định mua, mua thường xuyên hơn và giới thiệu loại sản phẩm này cho những người khác cùng mua. Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy biến rủi ro cảm nhận có ảnh hưởng tiêu cực đến ý định mua. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho các doanh nghiệp thương mại điện tử và cơ quan quản lý hiểu rõ hơn về thị trường mỹ phẩm trực tuyến tại Việt Nam, từ đó phát triển dịch vụ để nâng cao ý định sử dụng, nâng cao chất lượng đời sống.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THU HÚT NHÂN TÀI CỦA CÔNG TY KHỞI NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Lê Thị Trang[a], Hà Thuỳ Trang[a], Nguyễn Thị Kim Thoa[a], Nguyễn Thị Phương Thảo[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Lê Văn Nam*
[a]E-BBA7 B;

Tóm tắt nghiên cứu

Đề tài này của nhóm nghiên cứu khoa học là kế thừa và phát huy kết quả của các nghiên cứu trước (sự nhận thức của nhân tài về các giá trị phát triển bản thân, văn hoá công ty và thương hiệu hấp dẫn của các công ty khởi nghiệp, các biến và thang đo được rút ra từ các bài nghiên cứu trước đây), kết hợp với lý thuyết và mô hình đã được xây dựng để khảo sát thực tế đối với sinh viên năm cuối và người đi làm trên địa bàn Hà Nội. Thông qua phương pháp phân tích nhân tố, nhóm nghiên cứu đã xây dựng được 3 nhóm nhân tố ảnh hưởng tới việc thu hút nhân tài của các công ty khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội đó là giá trị xã hội, giá trị thúc đẩy và giá trị phát triển.

NHẬN THỨC CỦA GIỚI TRẺ HÀ NỘI VỀ THỂ THAO ĐIỆN TỬ

Nguyễn Thủy Phương[b], Nguyễn Thu Trà[b]
Giáo viên hướng dẫn: ThS. Lê Văn Nam
[b]E-BBA8 C

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu nhận thấy Nhìn chung giới trẻ Hà Nội có nhận thức ở mức trung bình về thể thao điện tử - Esports. Trong đó, mức độ nhận biết và thông hiểu của giới trẻ cao hơn cả, còn mức độ vận dụng vẫn còn rất hạn chế. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng tiến hành khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng như thế nào tới nhận thức của giới trẻ về Esports. Kết quả cho thấy, "Mạng xã hội" là yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của giới trẻ nhiều nhất còn yếu tố mà các bạn trẻ cho rằng có sự ảnh hưởng ít nhất là "Tổ chức đoàn trường". Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho bộ giáo dục, nhà trường các tổ chức doanh nghiệp kinh doanh nền tảng công nghệ, các bậc phụ huynh có cái nhìn tổng quát về thực trạng mức độ nhận thức của giới trẻ về thể thao điện tử Esport cũng như các nhân tố có thể ảnh hưởng tới mức độ nhận thức của họ.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Lê Duy Khánh[a], Vũ Đức Anh[a], Nguyễn Thị Thúy Hằng[a], Phan Thị Mỹ Linh[a], Bùi Thị Huyền[a]

Giáo viên hướng dẫn: *PGS.TS. Trần Mạnh Dũng*

[a]Kiểm toán 57B

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu đi ngược lại kết quả của nhiều bài nghiên cứu trước đây khi chỉ ra các nhân tố không ảnh hưởng tới SP bao gồm các nhân tố vĩ mô (CPI, GDP, M2), các nhân tố vi mô (bên trong doanh nghiệp như ROA) và đặc biệt bỏ qua tác động của yếu tố gắn chặt với cổ phiếu (cổ tức được chi trả bằng tiền mặt). Chúng ta có thể nhận thấy tại Việt Nam tình hình biến động của các nhân tố chưa phản ánh đúng thực trạng và các quy luật kinh tế.

PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thanh Lam[b], Đào Thị Hồng Hạnh[b], Nguyễn Đức Giang[b]

Giáo viên hướng dẫn: *ThS.NCS Trần Thị Thu Huyền*

[b]Kế hoạch 58A

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến phân hóa giàu nghèo ở vùng Đồng bằng sông Hồng, trong đó có những nhân tố trực tiếp như: ảnh hưởng của lối tư duy lạc hậu, cũ kĩ, khả năng thích ứng với cơ chế thị trường chậm, tính chất công việc và tay nghề, kĩ năng, trình độ, năng suất lao động. Bên cạnh đó là nhóm nhân tố gián tiếp: điều kiện tự nhiên của vùng, cơ chế nền kinh tế, các chính sách của Nhà nước. Hiện tượng phân hóa đang có xu hướng tăng lên và đem lại nhiều tác động tiêu cực cho đời sống người dân.Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo tại vùng Đồng bằng sông Hồng, trong đó bao gồm các giải pháp về chính trị, kinh tế, xã hội và bên cạnh đó là các giải pháp về mặt tư tưởng. Với những nỗ lực của Chính quyền và nhân dân trong vùng, nhóm nghiên cứu tin rằng trong tương lai không xa, chênh lệch giàu nghèo sẽ được trả lại vị trí vốn có của nó là vấn đề phát sinh trong nền kinh tế thị trường.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI VIETTEL

Trần Thị Đan[b], Nguyễn Ngọc Anh[b], Đỗ Thị Hồng Diệu[b], Nguyễn Đào Thu Thảo[b]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Nguyễn Thị Thương.*
[b]Kinh tế đầu tư 57C

Tóm tắt nghiên cứu

Qua các phân tích định tính và định lượng, nhóm tác giả đã phân tích được sự ảnh hưởng của các nhân tố tới hoạt động ĐTTTRNN của Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel. Nhóm nhân tố từ phía Việt Nam bao gồm: điều kiện thị trường và thương mại; chính sách chính phủ, nhóm nhân tố liên quan đến chi phí sản xuất và nhóm nhân tố điều kiện kinh doanh. Nhóm nhân tố từ phía Viettel bao gồm: lợi thế riêng của Viettel, tiềm lực tài chính, trình độ khoa học công nghệ và chiến lược kinh doanh.

Đề tài nghiên cứu có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý vĩ mô trong việc hoạch định chính sách đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp. Đồng thời, nghiên cứu cũng là tài liệu tham khảo cho Tập đoàn Viettel nói riêng và các doanh nghiệp Việt Nam nói chung nhìn nhận được các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của mình để từ đó có chiến lược kinh doanh phù hợp với hướng đi của doanh nghiệp.

NGHIÊN CỨU SỰ HÀI LÒNG VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Tô Thị Oanh[b], Lý Thị Loan[b], Nguyễn Thị Hường[b]. Trần Hữu Trường[b]
Giáo viên hướng dẫn: TS. Hoàng Thị Thu Hương

[b]Quản trị Lữ hành 57

Tóm tắt nghiên cứu

Nghiên cứu đã giải đáp các vấn đề lý luận liên quan đến chất lượng dịch vụ và mối quan hệ của nó với sự hài lòng của khách hàng. Căn cứ vào bối cảnh là trường ĐH KTQD và dựa trên sự đánh giá của sinh viên thi có 6 yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên KTQD về dịch vụ hỗ trợ đào tạo. Cụ thể là : (i) Việc làm hướng nghiệp có tác động đến sự hài lòng của sinh viên ; (ii) Bãi gửi xe có tác động đến sự hài lòng của sinh viên; (iii) KTX có tác động đến sự hài lòng của sinh viên; (iv) Đoàn hội có tác động đến sự hài lòng của sinh viên; (v) Hệ thống quản lý đào tạo có tác động đến sự hài lòng của sinh viên; (vi) Tài chính có tác động đến sự hài lòng của sinh viên. Kết quả nghiên cứu của NCKH đã góp phần đo lường được mức độ hài lòng của sinh viên Trường ĐH KTQD về dịch vụ hỗ trợ đào tạo, tuy nhiên, do chất lượng dịch vụ hỗ trợ đào tạo phụ thuộc vào mức độ cảm nhận của sinh viên và nhiều yếu tố khác bên ngoài nên tùy thuộc vào từng điều kiện thực tế của từng đơn vị đào tạo cần có sự điều chỉnh khái niệm và thang đo cho phù hợp.

PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA CÁ NHÂN ĐỐI VỚI HÌNH ẢNH

Vũ Hoàng Yến[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Lê Thị Hồng Anh*
[a]*Luật kinh doanh quốc tế 58*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, tác giả đã tìm hiểu những vấn đề lý luận về quyền của cá nhân đối với hình ảnh với tư cách là một quyền nhân thân, và đặt trong mối quan hệ với các quyền nhân thân khác, nghiên cứu thực trạng hiện nay về việc hiểu, thực hiện và bảo vệ quyền của cá nhân đối với hình ảnh, từ đó đề xuất một số kiến nghị để khắc phục những hạn chế còn tồn tại về các quy định liên quan tới quyền của cá nhân đối với hình ảnh. Những kết quả phân tích trong đề tài đã đóng góp một phần vào các công trình nghiên cứu đã có từ trước đó, phần nào giúp người đọc có cái nhìn vừa tổng quan vừa cụ thể về quyền của cá nhân đối với hình ảnh và dễ dàng áp dụng vào trong thực tiễn cuộc sống.

NGHIÊN CỨU VỀ THỰC TRẠNG ĐẠO VĂN TRONG VIẾT HỌC THUẬT CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ BA CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI HÀ NỘI

Lê Vũ Quỳnh Anh[b]***, Trần Doãn Anh Vân***[b]***, Lê Ngọc Linh***[b]***, Lê Thị Hải Vân***[b]
Giáo viên hướng dẫn: *NCS Nguỵ Thuỳ Trang*
[b]*TATM 57B*

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm đã thành công trong việc cung cấp lý thuyết cơ bản về định nghĩa đạo văn, các hình thức sinh viên thường áp dụng, nguyên nhân và ảnh hưởng của nó đến quá trình học tập của sinh viên. Tiếp đó, nhóm đã phân tích nhận thức và thực trạng của sinh viên về đạo văn và các vấn đề liên quan bao gồm tần suất đạo văn và hình thức mà sinh viên hay sử dụng. Thông qua quá trình phân tích việc sinh viên tự đánh giá về những khó khăn (thiếu ý tưởng, thiếu thời gian, thiếu nguồn thông tin, thiếu kỹ năng làm bài,…), ảnh hưởng (vấn đề đạo đức, tư duy phản biện, kĩ năng phân tích vấn đề, công việc tương lai…), lý do trực tiếp (sự bị động trong học tập) và gián tiếp (thiếu hướng dẫn cụ thể từ phía giáo viên, sự phát triển của công nghệ thông tin,…), nhóm nghiên cứu nhận thấy sự thiếu nhất quán giữa ý kiến của giáo viên và sinh viên về vấn đề này. Cuối cùng, bài nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp và đề xuất nhằm giải quyết thực trạng đạo văn của sinh viên cho giáo viên và nhà trường.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG BÁT TRÀNG

Vũ Thị Hạnh[b], Nguyễn Thị Minh Huệ[b], Bùi Thị Liên Hương[b], Trương Thị Thúy Hằng[b]

Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Phạm Thị Huyền*

[b]QTM 57

Tóm tắt nghiên cứu

Thứ nhất, về nhận thức về Bát Tràng, đề tài đã đưa ra được mô hình hồi quy gồm 3 nhân tố giải thích được 50.4% mức độ nhận thức của du khách về du lịch Bát Tràng bao gồm "truyền thông", "chất lượng sản phẩm" và "yếu tố cá nhân". Kênh thông tin giúp du khách biết đến Bát Tràng chủ yếu vẫn là kênh truyền miệng, điều này khiến cho việc truyền thông chưa chính xác và đầy đủ. Thứ hai, về nhu cầu mua đồ gốm sứ, quà lưu niệm và dịch vụ hỗ trợ tại Bát Tràng, có tới 74.25% du khách mua đồ gốm sứ khi tới Bát Tràng, nhưng chỉ có 13% người chi trả trên 500.000 đồng cho việc mua sắm. "Chất lượng sản phẩm" và "nét đặc trưng về làng nghề" là 2 yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định mua của du khách. Các dịch vụ hỗ trợ du lịch tại Bát Tràng vẫn còn khá đại trà, không có điểm khác biệt và chưa thể thỏa mãn nhu cầu du khách. Thứ ba, về nhu cầu sử dụng tour du lịch. Đa phần du khách đến với Bát Tràng bằng hình thức du lịch tự do hoặc chỉ là một nhánh trong tour của các công ty du lịch. Hoạt động tour du lịch được đánh giá là không hiệu quả trong khi có 53.71% du khách mong muốn được trải nghiệm và tìm hiểu về Bát Tràng. Từ những kết quả phân tích và giải pháp mà nhóm đã đề xuất, các cơ quan chức năng sẽ có cái nhìn tổng quát hơn về thực trạng hoạt động du lịch tại Bát Tràng và nhu cầu thực sự của du khách, từ đó có những định hướng phát triển chiến lược và khai thác tối đa tiềm năng của du lịch Bát Tràng.

ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SINH VIÊN TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI HÀ NỘI

Đinh Thị Khánh Hoà[b], Đinh Thị Thu Trang[b], Nguyễn Thị Lam[b], Nguyễn Thị Hằng[b]

Giáo viên hướng dẫn: *GS. TS. Hoàng Đức Thân*

Kinh tế Quốc tế 57A

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu và khảo sát 417 sinh viên , nhóm nghiên cứu đã tổng hợp được có đến 76,5% sinh viên đều nhận định rằng mạng xã hội đem lại nhiều lợi ích hơn là những tác động tiêu cực. Trên 85% sinh viên dùng mạng xã hội với các mục đích: (1) tìm kiếm tài liệu thông tin, (2) giữ liên lạc với người thân, bạn bè, (3) nghe nhạc, xem phim. Đa số sinh viên tham gia khảo sát dùng mạng xã hội trên 3h/ ngày (70%), và họ nhận thấy rằng việc này có chi phối đến cuộc sống của họ. Tác động tiêu cực chính của mạng xã hội đối với sinh viên trong nhóm nghiên cứu là: (1) tốn thời gian,(2) trì trệ công việc, học tập, (3) sức khoẻ giảm sút. ". Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp cho nhà trường và Bộ Thông tin và Truyền thông có cái nhìn tổng quát về thực trạng sử dụng mạng xã hội hiện nay của sinh viên cũng như những ảnh hưởng của nó đến tương lai của đất nước.

NGHIÊN CỨU VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG TÂY BẮC

Trần Quỳnh Trang[a], Lê Đình Đạt[a], Nguyễn Thị Mai Hương[a], Nguyễn Thị Minh Phương[a], Cao Thùy Linh[a]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Mai Ngọc Anh*
[a]Quản lý công 57

Tóm tắt nghiên cứu

Tuy dân tộc thiểu số chỉ chiếm một phần nhỏ dân số trong tổng dân số của Việt Nam, tuy nhiên những dân tộc này lại có một ảnh hưởng vô cùng lớn đối với sự phát triển của đất nước. Chính vì thế để người đọc có cái nhìn rõ nét hơn về chất lượng cuộc sống của người DTTS nói chung và người DTTS vùng Tây Bắc nói riêng,nhóm xin được trình bày đề tài: "Nghiên cứu về chất lượng cuộc sống của người DTTS vùng núi Tây Bắc". Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm Nước sạch; Nhà ở; Phong tục tập quán; Thông tin. ro". Trong đó, 3 biến đại diện cho nhân tố "Nước sạch" , " Nhà ở" và " Phong tục tập quán" tác động cùng chiều vớichất lượng cuộc sống của người dân tộc thiểu số . Ngoài ra, nhân tố "Thông tin" tác động ngược chiều đến hiệu quả kinh doanh. doanh. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ góp phần giúp cho người đọc, các nhà chính sách hoạch định , doanh nghiệp, có cái nhìn tổng quát và đưa ra các quyết định để nâng cao chất lượng cuộc sống của người DTTS Tây Bắc

SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI CHẾ ĐỘ BHXH HƯU TRÍ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY : NGHIÊN CỨU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đỗ Thị Nhật Thảo[b], Phan Thanh Hiền[b]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS.TS Nguyễn Văn Định*
[b]KTBH57B

Tóm tắt nghiên cứu

Nghiên cứu đã góp phần chứng minh sự phù hợp của mô hình về sự hài lòng của người lao động đối với chế độ BHXH hưu trí ở Việt Nam hiện nay (thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội). Giả thuyết đưa ra ban đầu là 5 nhóm nhân tố được giữ nguyên, tuy nhiên giảm số biến quan sát từ 22 xuống còn 20 quan sát. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cung cấp một số lượng nhất định những lý thuyết về sự hài lòng của người lao động đối với một dịch vụ công. Góp phần làm phong phú thêm lý thuyết về sự hài lòng. (i) Kết quả kiểm định hồi quy cho thấy mô hình đề xuất của nhóm nghiên cứu với 5 nhân tố (Sự tiếp cận, Chất lượng cán bộ, Nhận thức, Chất lượng dịch vụ, Chính sách pháp luật) đã giải thích được 69,2% sự hài lòng của người lao động đối với chế độ BHXH hưu trí ở Việt Nam hiện nay. (ii) Phân tích, đánh giá sự hài lòng của người lao động đối với chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội hưu trí và tổ chức triển khai chế độ này ở Việt Nam. (iii) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của người lao động đối với chế độ BHXH hưu trí ở nước ta hiện nay.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TÊN THƯƠNG MẠI VÀ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA THÔNG QUA VỤ TAISUN VIỆT NAM

Chu Việt Hà[a], Hoàng Thị Linh[a], Nhữ Thảo Linh[a]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Trần Văn Nam*
[a]Luật Kinh doanh 57

Tóm tắt nghiên cứu

Tên thương mại có vai trò rất lớn trong chiến lược, hoạt động kinh doanh, cạnh tranh, mở rộng thị trường của cá nhân, tổ chức. Chính vì vậy, tên thương mại ngày càng là một mắt xích quan trọng trong cuộc đua giành lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp. Để bảo vệ tài sản vô hình của mình, cũng như có những bước phát triển vững chắc thì các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ doanh nghiệp phải có sự chú trọng đến vấn đề bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ và đặc biệt là tên thương mại. Nhóm tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cũng như cơ sở pháp lý của pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng bảo hộ tên thương mại ở Việt Nam trong thời gian 2005 đến nay thông qua vụ án thực tiễn bản án số 06/2011/KDTM – ST ngày 29/9/2011 "V/v Tranh chấp quyền tên thương mại và nhãn hiệu hàng hóa" , từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ về tên thương mại, rút ra nhận xét và một số kiến nghị để hoàn thiện quy định của pháp luật về vấn đề này.

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thu Trang[b], Hoàng Thị Thanh[b], Lê Thùy Dung[b]
Giáo viên hướng dẫn : TS. Hoàng Thị Thu Hà
[b]Kinh tế đầu tư 57B

Tóm tắt nghiên cứu

Việc nghiên cứu tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Qua quá trình nghiên cứu , phân tích nhận thấy thực tiễn cho thấy có nhiều nhân tố thúc đẩy Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam.Tuy nhiên, FDI của Trung Quốc vào Việt Nam chưa nhiều, bên cạnh những cái được còn tồn tại những cái chưa được và vô số những nguy cơ và hệ lụy khó lường. Do vậy, vấn đề đặt ra cho doanh nghiệp hai nước là phải nghiên cứu kỹ những vấn đề mang tính chiến lược về quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội của cả hai nước; nghiên cứu kỹ hệ thống pháp luật và những lĩnh vực trọng điểm ưu tiên đầu tư. Về phía Việt Nam việc thu hút FDI của Trung Quốc vào Việt Nam cần hết sức bài bản, toàn diện và cụ thể, phải đi từ nhận thức đến hành động khôn ngoan và bình đẳng, hết sức tránh ngây thơ và cả tin. Cuối cùng kết quả phân tích của đề tài nhằm đóng góp và phục vụ cho việc đề ra một số giải pháp thực tiễn làm giảm các tác động tiêu cực, tăng cường các ảnh hưởng tích cự của dòng vốn FDI Trung Quốc tại Việt Nam.

TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỚI VIỆC SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CỦA NGƯỜI DÂN TẠI ĐỊA BÀN TP.HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hoàng Anh[a], Lương Thị Khánh Huyền[a], Phạm Đặng Thùy Linh[a]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Lương Thị Thu Hằng*
[a]Tài chính công 57

Tóm tắt nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, kết quả cho thấy đa số các nhân tố lựa chọn phân tích đều có ý nghĩa, mô hình bao gồm 7 nhân tố giải thích cho xác suất cá nhân sử dụng phương tiện công cộng so với phương tiện cá nhân , đó là " Đặc điểm hộ gia đình", " Sự sẵn có dịch vụ trông giữ xe", " Tính an toàn", "Vấn đề môi trường", "Chi phí", "Mức độ tắc đường", "Sự sẵn có của phương tiện giao thông", " Mức độ ủng hộ và quan tâm chính sách thuế". Nhóm nhân tố có mức độ ảnh hưởng cao nhất đó là " Sự sẵn có và an toàn của các phương tiện công cộng", " Đặc điểm hộ gia đình" và "Mức độ ủng hộ và quan tâm đến thuế" . Từ kết quả phân tích đề tài nghiên cứu, nhóm đề xuất các giải pháp cũng như phân tích thực trạng thuế tác động tới hành vi sử dụng phương tiện giao thông của người dân hiện nay sẽ góp phần nào giúp cho chính phủ và các cơ quan liên quan về quản lú thuế có cái nhìn tổng quan chung về thực trạng quản lý và xây dựng thuế môi trường hợp lý hơn.

GIAN LẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Nguyễn Lê Thái[b], Đỗ Thùy Dunb[a], Phạm Quốc Đạt[b], Vương Đại Nam[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS. Khúc Thế Anh*
[a]Ngân hàng 57B

Tóm tắt nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa và sáng tạo mô hình M-score gồm 8 biến của Beneish (1999), đề tài đã xây dựng được mô hình phù hợp nhằm nhận diện gian lận báo cáo tài chính trong hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam với độ chính xác 63,16%. Bên cạnh đó, quá trình nghiên cứu cho thấy các sai lệch trong lập báo cáo tài chính của các ngân hàng tập trung chủ yếu tại 3 khoản mục: "Các khoản phải thu khách hàng", "Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh" và "Lợi nhuận trước thuế". Với những kết quả phân tích trong đề tài, cơ quan quản lý nhà nước sẽ có thêm góc nhìn mới hơn về hệ thống ngân hàng Việt Nam. Từ đó đưa ra được những giải pháp, hướng đi phù hợp cho các Ngân hàng thương mại, góp phần cải thiện và nâng cao sức khỏe của nền kinh tế quốc dân.

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN VỀ ĐẠO ĐỨC TRONG HỌC TẬP VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

Phạm Quỳnh Nga[a], Nguyễn Thị Hậu[a], Tạ Thị Thu Hương[a]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Phạm Thị Thuỷ*
[a]Kế toán 57A

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu nhận thấy sinh viên nữ có định hướng đạo đức nghề nghiệp cao hơn sinh viên nam, sinh viên trường khác có thái độ quyết liệt hơn sinh viên Đại học Kinh tế Quốc Dân và nhìn chung sinh viên năm đầu có thái độ và nhận thức đạo đức tốt hơn những sinh viên năm cuối. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm phần nào giúp bộ giáo dục có những biện pháp để nâng cao nhận thức đạo đức cho mỗi sinh viên kế toán –kiểm toán nói riêng và sinh viên của các trường đại học nói chung.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC NHTMCP TẠI VIỆT NAM

Chu Thị Thu Hiền[a], Phạm Minh Hải[a], Vũ Văn Thương[b], Nguyễn Đắc Công[b], Nguyễn Ngọc Ánh[b]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Đinh Thế Hùng*
[a]Kế toán 57B, [b]Kiểm toán 57B

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, kết quả cho thấy trong mô hình gồm 7 nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của KSNB ở các NHTMCP tại Việt Nam thì 2 nhân tố mới được đề xuất (“quy mô ngân hàng” và “mức độ xếp hạng tín nhiệm”) đều có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của KSNB trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. Dựa trên kết quả này, nghiên cứu có thể là tư liệu tham khảo cho các tổ chức và cá nhân nghiên cứu về KSNB nói chung và KSNB trong các NHTMCP nói riêng, là cơ sở khoa học hữu ích cho các đối tượng quan tâm như: Bộ tài chính, Ngân hàng nhà nước, Hiệp hội ngân hàng, Ban lãnh đạo các ngân hàng thương mại, các nhà đầu tư,… tham khảo trong các quyết định của mình về ban hành chính sách, ra quyết định quản trị hoặc quyết định đầu tư một cách có hiệu quả.

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÍNH SÁCH TỰ DO DI CHUYỂN LAO ĐỘNG TRONG AEC TỚI VIỆC HOÀN THIỆN KĨ NĂNG TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Phan Thị Trâm Anh[s], Đặng Thị Kiều Trang[a], Lê Thị Thảo[a], Nguyễn Thị Phượng[a], Trần Thị Hải Yến[a]
Giáo viên hướng dẫn: *TS. Đỗ Thị Hương*
[a]*KTQT 57B*

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả cuối cùng có hai giả thuyết được chấp nhận là trình độ hiểu biết của bản thân sinh viên về Chính sách tự do di chuyển lao động trong AEC có ảnh tới việc hoàn thiện các kỹ năng Tiếng Anh (HB) và Chính sách tự do di chuyển lao động trong AEC góp phần tăng thêm động lực và nhu cầu hoàn thiện các kỹ năng Tiếng Anh của sinh viên (DL), hai biến này ảnh hưởng 54.7% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn 45.3% sự kiểm soát ảnh hưởng của biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Những kết quả phân tích trong đề tài nghiên cứu của nhóm sẽ phần nào giúp Nhà Trường và sinh viên có cái nhìn tổng quát về ảnh hưởng của chính sách tự do di chuyển lao động trong AEC tới việc hoàn thiện kỹ năng Tiếng anh, từ đó đưa ra các giải pháp thích hợp.

ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN TRONG BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT CHO CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Thị Thu Hường[b], Đào Như Quỳnh[b], Nguyễn Thị Hạnh[b]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Ngô Thị Phương Thảo*
[b]*KTTN 57*

Tóm tắt nghiên cứu

Đề tài áp dụng phương pháp định tính và định lượng, điều tra khảo sát các hộ gia đình có đất bị thu hồi của dự án mở rộng đường Trường Chinh & dự án xây dựng bãi đỗ xe và vườn hoa công viên đường Đê La thành, đã tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân trong bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nghiên cứu cũng sử dụng mô hình SERVPERF và thang đo Likert 5 mức độ để tìm ra các yếu điểm và nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự bất mãn của người dân trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Từ đó, nhóm đã đưa ra giải pháp phù hợp để góp phần hoàn thiện những tồn đọng trong công tác thu hồi đất của Nhà nước và nâng cao mức độ hài lòng của người dân trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ lợi ích công cộng.

MỐI QUAN HỆ GIỮA LỢI NHUẬN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU VỐN CỦA CÁC NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2012 ĐẾN 2016

Vương Vũ Thu Hà[a]
Giáo viên hướng dẫn: *ThS.NCS. Hồ Hoàng Lan*
[b]*IBD.UWE I 10*

Tóm tắt nghiên cứu

Mục tiêu của nghiên cứu là tìm hiểu tác động giữa lợi nhuận cổ phiếu và cơ cấu vốn trong ngành công nghệ và công nghiệp. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy số liệu mảng để phân tích 29 công ty thuộc ngành công nghệ và công nghiệp theo quý từ năm 2012 đến 2016. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm giúp các nhà quản lý tài chính của các công ty có cách tiếp cận cấu trúc vốn hiệu quả nhất để tăng giá trị công ty. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các công ty càng có cơ cấu nợ thấp, cổ phiếu càng thu hút các nhà đầu tư. Theo đó, giá trị của các công ty trở nên cao hơn và tạo ra nhiều lợi nhuận hơn từ đầu tư cổ phiếu. Nghiên cứu đưa ra những gợi ý giúp các công ty thuộc ngành công nghệ và công nghiệp có thể tiếp cận thị trường vốn tốt hơn, từ đó tạo các cơ hội cho thị trường có phát triển mạnh hơn.

FACTOR INFLUENCING YOUNG CONSUMERS' INTENTION TO PURCHASE ORGANIC FOOD: A STUDY IN THE MARKET OF HANOI.

Nguyen Minh Chau, Le Minh Duc, Pham Ngoc Mai, Vu Khanh Huyen Tran, Nguyen Ha Ngoc
Supervisor: Associate Prof. Nguyen Thi Tuyet Mai, Faculty of Business Management, NEU

ABSTRACT

This study aims to investigate some factors influencing purchase intention toward organic food among young consumers in Vietnam, an emerging economy. The extended Theory of Planned Behavior was used as theoretical framework for this study. Both qualitative (in-depth interviews) and quantitative methods (survey) were employed. In order to test the proposed model and hypotheses, a survey was conducted on a sample including 370 young consumers in Hanoi, the capital city of Vietnam. The findings of multiple regressions show that price-quality inference, attitude, subjective norm, and perceived behavioral control toward organic food purchase are positively related to purchase intention. In addition, health consciousness, trust in labeling and certification, and modern self are found to be significant predictors of attitude toward buying organic food. Based on the research findings, some implications for managers and policy makers are provided.

Keywords: Organic food, purchase intention, health consciousness, trust in labeling and certification, modern self, Price-quality inference, Theory of Planned Behavior, young consumers.

NGHIÊN CỨU VỀ CÁC YẾU TỐ GÂY RA SỰ TRÌ HOÃN TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Phan Thanh Tuấn[a], Phạm Kiều Anh[a], Nguyễn Hoàng Dũng[a], Nguyễn Thị Hương Quỳnh[a], Nguyễn Mỹ Tiên[a]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Vũ Thành Hưng*
[a]E-BBA8

Tóm tắt nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm ra được mô hình bao gồm 5 yếu tố giải thích được 27.3% sự trì hoãn trong học tập của sinh viên trên địa bàn Hà Nội, đó là các yếu tố "Kế hoạch học tập không tốt", "Sự ít quan tâm tới học tập", "Đặc điểm học tập không tích cực", "Điều kiện học tập không tốt" và "Sợ thất bại trong học tập". Trong đó yếu tố "Đặc điểm học tập không tích cực" có tác động cao nhất, sau đó là yếu tố "Kế hoạch học tập không tốt", "Điều kiện học tập không tốt", "Sự ít quan tâm tới học tập" và có tác động thấp nhất là yếu tố "Sợ thất bại trong học tập". Từ kết quả trên, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị và đề xuất giải pháp giúp cho sinh viên nhằm cải thiện chất lượng học tập của sinh viên liên quan đến tính trì hoãn, giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập có kế hoạch khi còn đang là sinh viên trên giảng đường Đại học.

KHAI PHÁ DỮ LIỆU LỚN VÀ ỨNG DỤNG HỌC MÁY TRONG DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Bùi Thị Thùy Linh[b], Nguyễn Thu Trang[c]
Giáo viên hướng dẫn: *PGS. TS. Phạm Văn Hùng*
[b]Kinh tế Đầu tư 56C, [c]Toán Kinh tế 56

Tóm tắt nghiên cứu

Kết quả của mô hình dự báo xu hướng (SVM) cụ thể là phân tích tin tức báo chí (dữ liệu dạng văn bản) liên quan đến thị trường trong ngày qua mô hình học máy có thể dự đoán chính xác lên đến 70% xu hướng của lên xuống của thị trường. Kết quả của việc so sánh hai mô hình dự báo biến động là GARCH (1, 1) và SVR– GARCH (1, 1) cho thấy SVR-GARCH có kết quả dự báo tốt hơn hẳn. Điều này hàm ý là việc kết hợp các mô hình kinh tế lượng truyền thống với các kỹ thuật học máy (thường để khai phá dữ liệu lớn) sẽ đem lại hiệu quả cao hơn trong dự báo.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN ĐẠT GIẢI THƯỞNG "SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC" CẤP TRƯỜNG NĂM 2018

(Kèm theo quyết định khen thưởng số 970/QĐ-KTQD ngày 19 tháng 06 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
	Giải Nhất (12 công trình)				
1	Nghiên cứu nghèo đa chiều tại xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	**Đoàn Minh Hiếu** Trần Anh Dũng Trương Việt Đức Nguyễn Thanh Tâm	KTPT 57B	Khoa KH&PT	GS.TS Ngô Thắng Lợi
2	Ảnh hưởng của vốn xã hội đến thu nhập của hộ gia đình nông thôn Việt Nam: Nghiên cứu thực nghiệm ở 12 tỉnh nông thôn Việt Nam	**Đỗ Thị Minh Hiệp** Đỗ Đức Lân Nguyễn Trọng Phú Nguyễn Hồng Sơn	TCQT57	Viện Ngân hàng - Tài chính	ThS. Phan Thị Thanh Hương

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
3	Tác động của vốn trí tuệ đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam	**Vũ Huy Hoàng** Quách Hồng Hạnh Nguyễn Dương Hồng Nhung	Kiểm toán 57C	CLB-SVNCKH	Thạc sĩ Hoàng Thị Huệ
4	Ảnh hưởng của phong cách sống, vị chủng tiêu dùng, chủ nghĩa vật chất đến hành vi mua hàng nội tại Việt nam	**Nguyễn Thị Yến Vân** Nguyễn Thị Thùy	7B	Viện QTKD	TS. Nguyễn Quốc Duy
5	Tác động của nhận thức, kiến thức, thái độ tới hành vi về môi trường của sinh viên nghiên cứu điển hình tại một số trường đại học thuộc khối ngành kinh tế trên địa bàn hà nội	**Nguyễn Đăng Thành** Nguyễn Khánh Huyền Trần Thị Ngọc Mai	E-PMP	Khoa Khoa học Quản lý	ThS. Dương Thùy Linh
6	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng thanh toán di động tại điểm bán của người dân thành thị Việt nam	**Nguyễn Thị Ngọc Ánh** Tiêu Việt Hà Trần Minh Chiến	7A	Viện QTKD	Ths. Nguyễn Phương Mai
7	Đánh giá tác động của việc thiếu thông tin về BHYT nhà nước đối với hành vi tham gia và sử dụng của sinh viên: Nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội	**Trương Thị Mai Hương** Huỳnh Thị Kim Yến	KTBH57B KTBH57B	Khoa Bảo hiểm	TS.Nguyễn Thị Hải Đường

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
8	Các yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng chấp nhận sử dụng xăng sinh học E5 trên địa bàn Hà Nội	**Nguyễn Phi Yến** Nguyễn Hồng Nhân Lê Thị Vân Anh Phan Thị Hồng Nhung Phạm Thị Oanh	Tài chính công 57	Viện Ngân hàng-Tài chính	ThS. Nguyễn Nhất Linh
9	Các nhân tố tác động đến ý định lựa chọn phương thức thanh toán khi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên địa bàn Hà Nội	**Trần Thị Phương Hiền** Lê Huy Nguyễn Hồng Hạnh Lê Trần Hà Trang Nguyễn Lê Diệp Linh	Tài chính Tiên tiến	TTĐTTT-CLC&POHE	PGS.TS. Lê Thị Lan Hương
10	Đánh giá sự hài lòng của phụ huynh đối với giáo dục của các trường THPT công lập trên địa bàn TP. Hà Nội	**Nguyễn Vân Anh** Nguyễn Hải Long Đỗ Sơn Nam	8C	Viện QTKD	PGS.TS. Lê Thị Lan Hương
11	Áp dụng Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Tứ phủ trong thu hút khách du lịch tâm linh tại Phủ Dầy, tỉnh Nam Định	Đỗ Mai Anh; **Vũ Minh An**h; Vũ Ngọc Bách; Nguyễn Công Thành; Đỗ Thị Trang	Quản trị Lữ hành K57	Khoa Du lịch & Khách sạn	TS.Trần Thị Huyền Trang

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
12	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận sử dụng dịch vụ thanh toán qua thiết bị di động của người tiêu dùng tại Việt Nam	**Phạm Anh Khoa** Nguyễn Hà Phương Anh Lê Trương Quỳnh Như Nguyễn Hà Vy	Marketing CLC	TTĐTTT-CLC&POHE	ThS. Khúc Thế Anh
	Giải Nhì 14 công trình				
1	Impact of working capital management on the perfarmance of listed firms on Ho Chi Minh stock exchange (Ảnh hưởng của quản lý vốn lưu động đối với hiệu quả kinh doanh của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán HCM)	**Vũ Kiều Trang** Dư Ngọc Khanh Lê Hoàng Lan Lê Thị Bích Ngọc	Tài chính TT 57B	TTĐTTT-CLC&POHE	PGS. TS. Trần Mạnh Dũng
2	Ảnh hưởng của liên kết chuỗi cung ứng tới hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ vừa và nhỏ tại Hà Nội	**Đỗ Thị Tuyết Mai** Nguyễn Thị Huyền Nguyễn Thị Mai	Quản trị doanh nghiệp 57A	Khoa Quản trị kinh doanh	Lại Mạnh Khang
3	Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng đối với các cửa hàng tiện ích trên địa bàn Tp. Hà nội	**Nguyễn Thanh Hằng** Nguyễn Thị Anh Thư Đinh Minh Ngọc	8A	Viện QTKD	PGS.TS. Lê Thị Lan Hương

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
4	Ảnh hưởng của khủng hoảng truyền thông tới thái độ của người tiêu dùng - Nghiên cứu tình huống Vietjet Air	**Nguyễn Thuỳ Dương**	CLC Marketing 57	Khoa Marketing	PGS.TS Phạm Thị Huyền
5	Sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam theo xu thế cách mạng công nghiệp 4.0	**Nguyễn Minh Quang** Trương Thị Ngọc Ánh Trịnh Nguyễn Hà Nhung Trần Minh Phương	KTBH58A KTBH58A KTBH58A KTBH58A	Khoa Bảo hiểm	ThS. Nguyễn Xuân Tiệp
6	Phản ứng của nữ lao động đối với việc thay đổi chính sách trong cách tính lương hưu: Nghiên cứu khu vực đồng bằng sông Hồng	**Phạm Hải Quỳnh** Phan Minh Quang Phạm Phương Thảo Nguyễn Đặng Trúc Quỳnh Phạm Thái An	BHXH 58 BHXH 58 BHXH 58 KTBH 59A TCTT 59B	Bảo hiểm	ThS. Tô Thị Thiên Hương
7	Món ăn Huế mang dấu ấn văn hóa Mường theo góc nhìn lịch sử	**Phạm Thị Hồng Phúc** Phạm Thị Phương Thảo Nguyễn Phương Thảo	POHE Quản trị lữ hành	TTĐTTT-CLC&POHE	PGS. TS Lại Phi Hùng
8	Phòng chống tác động của thông tin sai trái trên không gian mạng đến sinh viên các trường đại học công lập trên địa bàn Hà Nội hiện nay	**Trần Minh Quang** Trịnh Nguyễn Anh Khôi	Kiểm toán 58A I13A3, Viện Đào tạo quốc tế	CLB-SVNCKH	TS. Bùi Trung Hải

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
9	Các yếu tố thúc đẩy mối quan hệ từ ý định đến hành vi sử dụng phương thức thanh toán điện tử: Trường hợp nghiên cứu tại địa bàn Thành phố Hà Nội	**Đỗ Thị Mai Hương** Tống Khánh Linh Lý Minh Trí	Ngân hàng 57B	Viện Ngân hàng-Tài chính	ThS.Khúc Thế Anh
10	Ảnh hưởng của vốn tri thức đến hiệu quả hoạt động tài chính của DN niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP.HCM	**Đặng Minh Ánh** Nguyễn Thị Hồng Liên Nguyễn Thị Hồng Trâm Trần Thị Thuỳ Linh	Kiểm toán 57C	Viện .KT-KT	ThS. Doãn Thùy Dương
11	Ảnh hưởng của liên kết khách hàng và liên kết nội bộ tới kết quả hoạt động của trang trại và hợp tác xã: nghiên cứu trong chuỗi cung ứng nông sản đồng bằng Sông Hồng	**Lại Trung Kiên** Phạm Nam Anh Lê Phương Thảo Phạm Thị Phương Oanh Nông Thành Kiên	QTKD tổng hợp 56b / Thương mại quốc tế 57	Khoa Quản trị kinh doanh	Lại Mạnh Khang
12	Nghiên cứu chính sách quản lý, sử dụng nhà chung cư tại đô thị: đánh giá dưới góc nhìn của cư dân trên địa bàn Hà Nội	Nguyễn Thu Huyền Trần Minh Yến **Lê Hồng Nhung**	Kinh tế Bất động sản và địa chính	Khoa Bất động sản & KTTN	Ths. Nguyễn Thanh Lân

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
13	Đánh giá nhận thức của người dân trên địa bàn Hà Nội về Bảo hiểm y tế Nhà nước	**Bùi Minh Hằng** Trần Thu Trang Lê Hồng Thùy Linh	BHXH 57 BHXH 57 BHXH 57	Khoa Bảo hiểm	ThS. Phan Anh Tuấn
14	Hành vi đạo văn của sinh viên: Nghiên cứu điển hình tại một số trường Đại học trên địa bàn Hà Nội	**Trịnh Thị Nhật Lệ** Nguyễn Thị Bích Phương Nguyễn Thị Thơm	Kinh tế & Quản lý NNL57	Khoa Kinh tế & Quản lý Nguồn nhân lực	Ths. Hoàng Thị Huệ
	Giải ba (56 công trình)				
1	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn làm trái ngành nghề của sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân	**Lê Quỳnh Anh** Nguyễn Thị Linh Chi Nguyễn Xuân Diễm Hương	CLC Marketing 57	Khoa Marketing	PGS.TS Vũ Huy Thông
2	Nghiên cứu mối quan hệ giữa chi phí quản lý doanh nghiệp với khả năng sinh lợi trong các công ty kinh doanh bất động sản được niêm yết ở Việt Nam	**Nguyễn Thị Ngọc Lan** Trương Thị Diệp Nguyễn Thế Chung Trần Thị Thanh Hà Đặng Thị Huyền	Kế toán 57C	Viện KT- KT	GS.TS Nguyễn Văn Công

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
3	Kỹ năng của sinh viên chính quy: Nghiên cứu so sánh giữa nhóm tham gia và không tham gia CLB/SVTN	**Tăng Sơn Lộc** Nguyễn Thị Kiều Trang Phạm Thị Thu Hương	Quản lý kinh tế 58A	Khoa Khoa học quản lý	Ths. Đinh Viết Hoàng
4	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống và sự hài lòng về cuộc sống tại chung cư cao tầng của người cao tuổi tại Hà Nội	**Trần Thị Kim Dung**	Kinh doanh Bất động sản	Khoa Bất động sản & KTTN	Ths. Nguyễn Đức Kiên
5	Ảnh hưởng của tài chính toàn diện lên mất cân bằng thu nhập ở những quốc gia thuộc vùng kinh tế chuyển đổi từ năm 2005 đến 2015	**Phan Thị Hoài Thương**	IBD.UWE I10	Viện ĐTQT	Th.s. NCS Hồ Hoàng Lan
6	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới dự định chọn trường đại học nói chung và đại học Kinh tế Quốc dân của học sinh Trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội.	Nguyễn Thị Hạnh Vũ Văn Hoàng Nam **Hoàng Thị Như Quỳnh** Nguyễn Thị Thanh	Quản trị Lữ hành 57	Khoa Du lịch & Khách sạn	TS. Hoàng Thị Thu Hương
7	Tác động của cơ cấu chi phí và đòn bẩy hoạt động đến khả năng sinh lợi của DN dược phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	**Phạm Thanh Minh** Nguyễn Mai Hương Phạm Thị Thu Hiền Dương Thu Phương Nguyễn Ngọc Thiện	Kiểm toán 57B	Viện KT-KT	TS. Phạm Thị Thủy
8	Sinh viên Hà Nội với cách mạng công nghiệp 4.0: thực trạng nhận thức và khuyến nghị cho sinh viên	**Nguyễn Thị Thúy Phương** Chu Hải Yến Trần Thị Thùy Dương Lương Thị Linh Đan	KTPT57B	Khoa KH&PT	PGS.TS Đặng Thị Lệ Xuân

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
9	Những yếu tố ảnh hưởng đến sự tương tác giữa giảng viên và học sinh - sinh viên	**Trần Minh Trang,** Nguyễn Thị Thảo, Phùng Thị Hoài Chi, Vũ Thị Ngọc Lan	KTĐT 57C	Khoa Đầu tư	ThS. Nguyễn Duy Tuấn
10	Các nhân tố tác động đến ý định sử dụng sản phẩm qua kênh Bancassurance của khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội	**Lê Thị Bình** Mai Thị Chiến Trần Thanh Duyên	Tài chính doanh nghiệp 57B	Viện Ngân hàng-Tài chính	ThS. Nguyễn Thành Trung
11	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đi du học của học sinh THPT trên Địa bàn Thành phố Hà Nội	**Vũ Minh Ngọc** Lý Yến Nhi Nguyễn Ngọc Diệp Trương Thị Hoa	Tài chính A Tài chính A Tài chính A	TTĐTTT-CLC&POHE	PGS.TS Phạm Thị Huyền
12	Nghiên cứu phương pháp dạy và học các môn kế toán ở bậc đại học: Nghiên cứu trường hợp điển hình tại trường ĐH.KTQD	**Nguyễn Thị Quỳnh Nga** Hoàng Hải Yến Ngô Thị Khánh Linh Trần Tú Quyên	Kiểm toán 57C	Viện .KTKT	TS. Đặng Thị Thúy Hằng
13	Phân tích thực nghiệm hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghệp vừa và nhỏ giai đoạn 2007-2013	**Lê Thị Hương Huệ** Đào Quốc Huy Nguyễn Thị Liên Nguyễn Văn Thành	Toán Kinh tế 57	Khoa Toán Kinh tế	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
14	Phát triển thương mại điện tử - cơ hội và thách thức cho các Doanh nghiệp Việt Nam	**Lê Thị Trang Nhung** Nguyễn Thị Thanh Tâm Nguyễn Thị Hương Giang Đinh Văn Thắng Đàm Văn Xuân	KTPT 58B	Khoa KH&PT	Th.S. NCS Lê Huỳnh Mai
15	Ảnh hưởng của mạng xã hội đến tình trạng bắt nạt qua mạng tại Việt Nam	**Vũ Ngọc Mai,** Nguyễn Linh Huyền, Nguyễn Việt Anh, Nguyễn Anh Thư, Nguyễn Ngọc Trâm	KTĐT 57C	Khoa Đầu tư	ThS. Nguyễn Duy Tuấn
16	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến truyền miệng điện tử trên mạng xã hội Facebook và ý định mua đối với thị trường thực phẩm chức năng trên địa bàn Hà Nội	**Nguyễn Tuấn Duy** Lê Hà Minh Anh Lê Anh Thư Đặng Phương Anh	QT Bán hàng 57	Khoa Marketing	TS. Phạm Văn Tuấn
17	Khảo sát và đánh giá nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn hướng nghiệp của sinh viên chính quy đại học Kinh tế quốc dân	**Trần Thị Hải Yến** Nguyễn Thanh Quang Trần Thị Xuân Quỳnh	KDQT58B	Viện TM&KTQT	TS. Nguyễn Bích Ngọc(A)
18	Mối quan hệ giữa hành vi tiêu dùng và lối sống tối giản của giới trẻ Hà Nội	**Trần Thị Kim Chi**	KTQT56A	Viện TM&KTQT	PGS. TS. Nguyễn Thường Lạng

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
19	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của người dân về nhà ở tái định cư trong các dự án cải tạo chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội	**Nguyễn Thị Hường** Nguyễn Thị Hoài Thương Nguyễn Út Huệ Mai Thị Huyền Trang Phạm Thanh Nga	Kinh doanh Bất động sản	Khoa Bất động sản & KTTN	TS. Nguyễn Thị Hải Yến
20	Bộ chỉ tiêu nhận diện chuyển giá	**Phạm Thị Quỳnh** Trần Thị Hoa Nguyễn Thị Kim Vân Đỗ Thị Hường	Kế toán 57B	Viện .KTKT	TS. Hà Thị Phương Dung
21	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu lực của hoạt động kiểm toán nội bộ	**Lê Đỗ Thùy An** Vũ Thu Hằng Trần Thị Tố Giang	Kiểm toán 57A	Viện .KTKT	TS. Đoàn Thanh Nga
22	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội HNX	**Đỗ Thị Hà Trang** Trịnh Hương Giang Phạm Thị Minh Phương Đoàn Thị Mai	Kiểm toán 57C	Viện .KTKT	TS. Nguyễn Thị Thanh Diệp
23	Mô hình nghiên cứu các nhân tốtác động đến ý định làm việc sau tuổi nghỉ hưu của người lao động trung niên trên địa bàn Hà Nội	**Đỗ Thị Hạnh** Lê Thị Hòa Nguyễn Đức Lương Lê Thị Trinh	Kinh tế & Quản lý NNL57	Khoa Kinh tế & Quản lý Nguồn nhân lực	Ths. Phạm Hương Quỳnh

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
24	Mức độ quan tâm và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngành học LOGISTICS của học sinh THPT trên địa bàn Hà Nội	**Nguyễn Phan Mỹ Linh** Nguyễn Thu Trang Trịnh Thị Thanh Hương Nguyễn Thị Phương Lan	KDTM57B	Viện TM&KTQT	TS. Đinh Lê Hải Hà
25	Nghiên cứu mô hình thương mại điện tử của Amazon và kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam	**Nguyễn Thu Hiền** Lê Thị Bích Ngọc Nguyễn Thị Sao Mai Đinh Thị Bích Ngọc	KDQT57B	Viện TM&KTQT	PGS. TS. Tạ Văn Lợi
26	Nghiên cứu phát triển thị trường Bất động sản du lịch nghỉ dưỡng tại Việt Nam	**Nguyễn Thu Trang**	Kinh tế Bất động sản và địa chính	Khoa Bất động sản & KTTN	Ths. Nguyễn Thanh Lân
27	Nghiên cứu xây dựng và phát triển thang đo thái độ của trẻ em đối với quảng cáo tại Việt Nam	**Nguyễn Ngọc Hà** Tan Guang Jun Vũ Thị Mỹ Duyên Cao Mỹ Linh	POHE Truyền thông Marketing	TTĐTTT-CLC&POHE	ThS Lê Phạm Khánh Hòa
28	Tác động của ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng năng suất lao động tại tỉnh Bắc Ninh và Ninh Bình	**Nguyễn Hoài Anh** Lê Thị Phượng Đoàn Thu Trang	KTPT57B	Khoa KH&PT	PGS.TS Vũ Thị Tuyết Mai
29	Dịch vụ y tế công nghệ cao ở Việt Nam trong điều kiện thực hiện các cam kết quốc tế về mở cửa thị trường	**Nguyễn Thị Việt Hà**	KTQT56	Viện TM&KTQT	PGS. TS. Nguyễn Thường Lạng

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
30	Nghiên cứu mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ nước sạch ở Hà Nội	**Nguyễn Thị Thu** Nguyễn Thị Ngọc Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Xuân Hiếu	Thống kê KD TKKTXH	Khoa Thống kê	TS. Nguyễn Minh Thu
31	Mức độ hài lòng của sinh viên về dịch vụ BHYT học sinh - sinh viên trên địa bàn Hà Nội	**Nguyễn Thị Mơ** Phan Thị Thảo Yến Nguyễn Thị Bích Phượng Nguyễn Thị Mai Trang Vũ Việt Hà	KTBH 58B KTBH 58B KTBH 58B TCTT 59B TCTT 59A	Khoa Bảo hiểm	ThS. Tô Thị Thiên Hương
32	Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố niềm tin và rủi ro cảm nhận đến ý định mua mỹ phẩm trực tuyến của thế hệ y (Millennials)	**Trần Thanh Ngân** Vũ Hà My Nguyễn Phương Thảo	Kế toán TT Kế toán TT Kế toán TT	TTĐTTT-CLC&POHE	TS Doãn Hoàng Minh
33	Các nhân tố ảnh hưởng tới việc thu hút nhân tài của công ty khởi nghiệp trên địa bàn Hà nội	**Nguyễn Thị Phương Thảo** Nguyễn Thị Kim Thoa Hà Thùy Trang Lê Thị Trang	7B	Viện QTKD	Ths. Lê Văn Nam
34	Nhận thức của giới trẻ Hà nội về thể thao điện tử - ESPORTS	**Nguyễn Thuỷ Phương** Nguyễn Thu Trà	8C	Viện QTKD	Ths. Lê Văn Nam

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
35	Các nhân tố ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	**Lê Duy Khánh** Vũ Đức Anh Nguyễn Thị Thúy Hằng Phan Thị Mỹ Linh Bùi Thị Huyền	Kiểm toán 57B	CLB-SVNCKH	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng
36	Phân hóa giàu nghèo ở vùng đồng bằng sông Hồng: Thực trạng và giải pháp.	**Nguyễn Thanh Lam** Đào Thị Hồng Hạnh Nguyễn Đức Giang	KH58A	Khoa KH&PT	Ths NCS Trần Thị Thu Huyền
37	Các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel	**Nguyễn Ngọc Anh**, Đỗ Thị Hồng Diệu, Trần Thị Đan, Nguyễn Đào Thu Thảo	KTĐT 57C	Khoa Đầu tư	ThS. Nguyễn Thị Thương
38	Nghiên cứu sự hài lòng về chất lượng dịch vụ hỗ trợ đào tạo Trường Đại học Kinh tế quốc dân	**Tô Thị Oanh** Lý Thị Loan Nguyễn Thị Hường Trần Hữu Trường	Quản trị Lữ hành 57	Khoa Du lịch & Khách sạn	TS. Hoàng Thị Thu Hương
39	Pháp luật về quyền của cá nhân đối với hình ảnh.	**Vũ Hoàng Yến**	Luật KDQT 58	Khoa Luật	Th.S Lê Thị Hồng Anh

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
40	An investigation into the real situation of plagiarism in academic writing among English non-major third year students in selected universities in Hanoi (Nghiên cứu về thực trạng đạo văn trong viết học thuật của sinh viên năm thứ Ba không chuyên tiếng Anh tại một số trường Đại học tại Hà Nội)	**Lê Vũ Quỳnh Anh** Lê Ngọc Linh Lê Thị Hải Vân Trần Doãn Anh Vân	Tiếng Anh thương mại 57B	Khoa Ngoại ngữ kinh tế	Th.S Ngụy Thùy Trang
41	Phát triển du lịch tại làng nghề truyền thống Bát Tràng	**Vũ Thị Hạnh**	QT Marketing 57	Khoa Marketing	PGS.TS Phạm Thị Huyền
42	Ảnh hưởng của mạng xã hội đối với sinh viên một số trường Đại học tại Hà Nội.	**Đinh Thi Khánh Hòa** Nguyễn Thị Hằng Nguyễn Thị Lam Đinh Thị Thu Trang	KTQT57A	Viện TM&KTQT	GS. TS. Hoàng Đức Thân
43	Nghiên cứu về chất lượng cuộc sống của người dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc	**Trần Quỳnh Trang** Lê Đình Đạt Cao Thùy Linh Nguyễn Thị Mai Hương Nguyễn Thị Minh Phương	Quản lý công 57	Khoa Khoa học quản lý	PGS.TS Mai Ngọc Anh

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
44	Sự hài lòng của người lao động đối với chế độ BHXH hưu trí ở Việt Nam hiện nay:Nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội	**Đỗ Thị Nhật Thảo** Phan Thanh Hiền	KTBH57B KTBH57B	Khoa Bảo hiểm	PGS.TS Nguyễn Văn Định
45	Giải quyết tranh chấp về tên thương mại và nhãn hiệu hàng hóa thông qua vụ Taisun Việt Nam	**Chu Việt Hà** Nhữ Thảo Linh Hoàng Thị Linh	Luật KD 57 Luật KD 57 Luật KD 57	Khoa Luật	PGS.TS Trần Văn Nam
46	FDI của Trung Quốc tại Việt Nam	**Lê Thùy Dung,** Nguyễn Thu Trang, Hoàng Thị Thanh	KTĐT 57B	Khoa Đầu tư	TS. Hoàng Thị Thu Hà
47	Tác động của thuế bảo vệ môi trường tới việc sử dụng phương tiện giao thông của người dân tại địa bàn TP. Hà Nội	**Lương Khánh Huyền** Nguyễn Khắc Hoàng Anh Phạm Đặng Thùy Linh	Tài chính công 57	Ngân hàng-Tài chính	TS.Lương Thị Thu Hằng
48	Gian lận báo cáo tài chính trong NHTM Việt Nam	**Nguyễn Lê Thái** Phạm Quốc Đạt Vương Đại Nam Đỗ Thùy Dung	Ngân hàng 57B	Viện Ngân hàng- Tài chính	ThS. Khúc Thế Anh
49	Nhận thức của sinh viên kế toán - kiểm toán về đạo đức trong học tập và đạo đức nghề nghiệp	**Phạm Quỳnh Nga** Nguyễn Thị Hậu Tạ Thị Thu Hương	Kế toán 57A	Viện KT-KT	TS. Phạm Thị Thủy

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
50	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam	**Chu Thị Thu Hiền** Vũ Văn Thương Phạm Minh Hải Nguyễn Đắc Công Nguyễn Ngọc Ánh	Kế toán 57B	Viện KT-KT	TS. Đinh Thế Hùng
51	Ảnh hưởng của chính sách tự do di chuyển lao động trong AEC tới việc hoàn thiện kỹ năng tiếng anh của sinh viên Kinh tế Quốc dân	Đặng Thị Kiều Trang TRần Thị Hải Yến **Phan Thị Trâm Anh** Nguyễn Thị Phượng Lê Thị Thảo	KTQT57B	Viện TM&KTQT	TS. Đỗ Thị Hương
52	Đánh giá sự hài lòng của người dân trong bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất cho các dự án công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội	**Lê Thị Thu Hường** Đào Như Quỳnh Nguyễn Thị Hạnh	Kinh tế tài nguyên	Bất động sản & KTTN	PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo
53	Mối quan hệ giữa lợi nhuận cổ phiếu và cơ cấu vốn của các ngành công nghệ và công nghiệp ở Việt Nam từ năm 2012 đến 2016	**Vương Vũ Thu Hà**	IBD.UWE I10	Viện ĐTQT	Th.s. NCS Hồ Hoàng Lan

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
54	Factors influencing young consumers' intention to purchase organic food: A study in the market of Hanoi (Những nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng trẻ: một nghiên cứu tại thị trường Hà Nội)	**Nguyễn Minh Châu** Lê Minh Đức Phạm Ngọc Mai Vũ Khánh Huyền Trân Nguyễn Hà Ngọc	Tài chính TT	TTĐTTT-CLC&POHE	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai
55	Nghiên cứu về các yếu tố gây ra sự trì hoãn trong học tập của sinh viên các trường ĐH trên địa bàn Hà nội	**Phan Thanh Tuấn** Phạm Kiều Anh Nguyễn Mỹ Tiên Nguyễn Thị Hương Quỳnh Nguyễn Hoàng Dũng	8A	Viện QTKD	PGS.TS. Vũ Thành Hưng
56	Khai phá dữ liệu lớn và ứng dụng học máy trong dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam	**Bùi Thị Thùy Linh** Nguyễn Thu Trang	Kinh tế đầu tư 56C,	CLB-SVNCKH	PGS. TS. Phạm Văn Hùng

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
	Giải Khuyến khích (74 công trình)				
1	The integration of body language into English presentation amongst 3rd year Business English students of economics related universities in Hanoi (Việc kết hợp ngôn ngữ cơ thể khi thuyết trình của sinh viên TATM năm 3 của các trường thuộc khối kinh tế tại Hà Nội)	**Phạm Thanh Hà** Nguyễn Đức Anh Hoàng Ngọc Anh Nguyễn Thị Phượng	Tiếng Anh thương mại 57B Tiếng Anh thương mại 57A	Khoa Ngoại ngữ kinh tế	Th.S Ngụy Thùy Trang
2	Ước lượng sản lượng tiềm năng của Việt Nam và khuyến nghị chính sách	**Phan Bình Minh** Nguyễn Thu Hiền Nguyễn Thị Minh Anh Hạ Thị Dịu	KTH57	Khoa Kinh tế học	PGS.TS Tô Trung Thành ThS Lưu Thị Phương
3	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo tại trường đại học KTQD	**Hà Thị Thúy Hằng** Nguyễn Thị Ngân Anh Nguyễn Minh Tiến Nguyễn Đức Tuấn Nguyễn Thị Thùy Vân	Kiểm toán 57A	Viện KT-KT	ThS. Đặng Thị Trà Giang

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
4	Nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương của Việt Nam	**Nguyễn Thị Lành**	KTQT57B	Viện TM&KTQT	PGS. TS. Nguyễn Thường Lạng
5	Phân tích báo cáo tài chính nhằm phát hiện dấu hiệu gian lận, trốn thuế của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam	**Lê Đỗ Tuấn Anh** Trịnh Mỹ Linh Lê Văn Tuấn Hiệp Ngô Văn Phong	Kế toán tổng hợp 56A	CLB-SVNCKH	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang
6	Những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn ngành của sinh viên năm nhất: Nghiên cứu trong trường hợp ngành Kinh tế và Kế toán-Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Trần Thị Ngọc Ánh Nguyễn Thị Minh Châu **Đặng Thị Hòa** Nguyễn Thị Huyền Trang Ngô Thị Ngọc Tú	Quản lý kinh tế 57A	Khoa Khoa học Quản lý	Th.S Nguyễn Quang Huy
7	Nghiên cứu sự hài lòng của người dân về chất lượng các quán ăn bình dân trên địa bàn Tp. Hà nội	**Phạm Thị Thuỳ Linh** Phạm Thị Thảo My Trần Thị Đăng Ngọc	7A	Viện QTKD	TS. Vũ Đình Hiển
8	Những nhân tố ảnh hưởng tới ý định quay lại của du khách tại các địa điểm du lịch sáng tạo Việt nam	**Nguyễn Tú Uyên** Đỗ Xuân Hải Vũ Minh Phương	8C	Viện QTKD	Ths. Nguyễn Tuấn Minh

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
9	Sử dụng thư viện của sinh viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân	**Phạm Thị Thanh Trang** Bùi Thị Hằng Mai Thị Huyền Đinh Thị Ngọc Ánh Hoàng Thị Hà	KH57A	Khoa KH&PT	TS. Nguyễn Quỳnh Hoa
10	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự gắn kết của Lao động giúp việc gia đình với chủ sử dụng lao động trên địa bàn Hà Nội	**Lương Thị Duyên**	Quản trị nhân lực 56A	Khoa Kinh tế & Quản lý Nguồn nhân lực	Vũ Thị Uyên
11	Digital marketing tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	**Vũ Nhật Anh** Giang Việt Tùng Nguyễn Thanh Thảo Nguyễn Huyền Trang Nguyễn Thu Trang	Ngân hàng CLC	TTĐTTT-CLC&POHE	TS. Đỗ Hoài Linh
12	Nhân tố tác động đến ý định sử dụng Fintech của khách hàng một số ngân hàng trên địa bàn Tp. Hà nội	**Kiều Bích Hạnh** Nguyễn Thị Thảo Trần Phương Anh	7B	Viện QTKD	TS. Trần Văn Hùng
13	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học Kinh tế Quốc dân	**Nguyễn Thu Thủy** Nguyễn Thị Thùy Linh Đỗ Thùy Trang	Hải Quan K58	CLB-SVNCKH	TS.Vũ Thị Minh Ngọc

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
14	Mối quan hệ giữa tăng tưởng của nông nghiệp đến công nghiệp của Việt Nam	**Phạm Trung Hiếu** Lê Hoàng Anh Lê Ánh Ngân Nguyễn Huy Hùng Nguyễn Quốc Hưng	KH57A	Khoa KH&PT	Th.s. NCS Phí Thị Hồng Linh
15	Các nhân tố tác động đến năng lực tiếng Anh của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn Hà Nội	Lê Thị Tâm **Trương Thị Yến Chi** Vũ Thu Hà	TCDN Pháp 56	Viện Ngân hàng- Tài chính	ThS. Khúc Thế Anh
16	Dự báo dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP HCM	**Trần Tấn Nam** Nguyễn Thị Thủy Vũ Thị Mai Nguyễn Khắc Hiếu Hoàng Thị Thúy Hiền	Kiểm toán 57A	Viện .KT-KT	PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh
17	Sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ ký túc xá: trường hợp sinh viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân	**Nguyễn Hà Phương** Nguyễn Văn Điển Hoàng Thị Lai Hoàng Thị Dung Trần Thị Thanh Hằng	Quản lý kinh tế 57A	Khoa Khoa học quản lý	Ths. Đinh Viết Hoàng
18	Vấn đề cát tặc ở Chí Linh tỉnh Hải Dương: Thực trạng và giải pháp xử lý	**Đỗ Thị Dung** Lê Thị Hồng Nguyễn Thị Sửu	Kinh tế tài nguyên	Khoa Bất động sản & KTTN	PGS.TS Phạm Văn Khôi

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
19	Các nhân tố tác động đến năng lực phản biện của sinh viên nghiên cứu tại trường ĐHKTQD	**Lê Quỳnh Trang** Phạm Thị Quỳnh Anh	T.kê KTXH-57	Khoa Thống kê	ThS. Nguyễn Đăng Khoa
20	Ảnh hưởng của di cư đến thị trường nhà ở Hà Nội giai đoạn 2010-2016	**Đỗ Thị Kiều Anh** Nguyễn Hà Phương Lý Thảo Huyền Nguyễn Hà Phương Trịnh Thị Nga	Kinh tế và Quản lý Đô thị	Khoa Môi trường và Đô thị	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền
21	Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến thái độ học tập của sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân	**Nguyễn Văn Ngọc** Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Thị Diệu	QTKDQT58A	Viện TM&KTQT	GS. TS. Hoàng Đức Thân
22	Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi mua rau tại các cửa hàng rau an toàn, cửa hàng tiện ích của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hoa **Đoàn Đức Nghiêm** Nguyễn Thị Thu Uyên	KDTM 57B	Viện TM&KTQT	TS. Đinh Lê Hải Hà
23	Hoạt động đầu tư phát triển hệ thống cảng biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2010-2017	**Phùng Thị Hoài Chi,** Phùng Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Đậu Trà My, Nguyễn Trung Kiên	KTĐT 57B	Khoa Đầu tư	TS. Phan Thị Thu Hiền
24	Liên kết doanh nghiệp - Trường Đại học và vấn đề việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân	**Trương Thị Phương Chi** Phạm Phương Liên Triệu Đỗ Quyên	KTHQ 57	Viện TM&KTQT	TS. Vũ Thị Minh Ngọc

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
25	Khảo sát và đánh giá ảnh hưởng của chính sách giảm thuế nhập khẩu ô tô nguyên chiếc từ các nước ASEAN đến thị trường ô tô nội địa Việt Nam	**Trần Thị Mai Phương** Nguyễn Minh Ngọc Nguyễn Đức Mạnh Nguyễn Diệu Linh	KTQT57A	Viện TM&KTQT	TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng
26	Nghiên cứu hoạt động quản lý chi tiêu cá nhân của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hà Nội	**Nguyễn Thị Hồng Anh**	QTKDTM57A	Viện TM&KTQT	Ths. Nguyễn Minh Nguyệt
27	Nghiên cứu tác động của chính sách thuế, phí tài nguyên đối với hoạt động khai thác khoáng sản	**Lê Minh Đức** Phạm Thu Hà Nguyễn Thảo Ly Lâm Minh Phước	Kinh tế tài nguyên	Khoa Bất động sản & KTTN	Ths. Nguyễn Thanh Lân
28	Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn hình thức bán hàng trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân	**Hoàng Thị Mai Dung,** Vũ Thị Diễm, Nguyễn Thị Hương, Trịnh Thu Hà, Nguyễn Thị Quỳnh Giang	KTĐT 57A	Khoa Đầu tư	TS. Đinh Đào Ánh Thủy
29	Nghiên cứu các trường hợp thao túng BCTC của các công ty niêm yết trên TTCK Việt Nam	**Nguyễn Thị Lý** Trần Nhật Lệ Nguyễn Hồng Vân Lê Ngọc Hương Lan Nguyễn Thị Hải Yến	Kế toán 57A	Viện KT-KT	TS. Phạm Thị Thủy

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
30	Khai thác tài nguyên thư viện Phạm Văn Đồng thuộc trường Đại học Kinh tế quốc dân trong học tập của sinh viên	**Hoàng Thu Trang** Chu Thị Hiền Nguyễn Thị Phương Thùy Phí Mai Anh Trần Thị Lan Hương	TMQT58	Viện TM&KTQT	GS. TS. Hoàng Đức Thân
31	Thực trạng nhận thức, thực hành về vệ sinh môi trường của người dân làng nghề Bát Tràng, Hà Nội và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề làm gốm	**Nguyễn Hoàng Yến** Dương Thảo Thu Lê Ngọc Hà	Quản lý công 57	Khoa Khoa học quản lý	ThS. Nguyễn Quang Huy
32	Global Internship for Business English students at National Economics University : the demand and potential opportunities (Nghiên cứu về nhu cầu và cơ hội của sinh viên Tiếng Anh thương mại, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đối với các chương trình thực tập nước ngoài)	**Vũ Thị Khánh Linh** Hoàng Thị Chang Vũ Minh Hiếu Hoàng Hương Giang	Tiếng Anh Thương Mại 57A	Khoa Ngoại ngữ Kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Thiên Hương
33	Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ kỳ thị người khuyết tật của học sinh tiểu học	**Nguyễn Thị Hồng** Nguyễn Thị Phương Thảo	Quản trị nhân lực 57B	Kinh tế & Quản lý Nguồn nhân lực	Nguyễn Đức Nhân

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
34	Chu kỳ kinh doanh tối ưu của rừng trồng keo lai lấy gỗ và hấp thụ carbon chống biến đổi khí hậu tại Đồng Nai	**Hoàng Thúy An** Mai Thu Hương Phạm Hương Mai Đậu Thị Thùy Mỹ Nguyễn Đình Thành	Kinh tế tài nguyên	Bất động sản & KTTN	TS. Nguyễn Hữu Dũng
35	Nhu cầu việc làm của người cao tuổi	**Nguyễn Tú Anh** Lưu Thị Tú Võ Thị Thương Trịnh Thu Hà	Thống kê KD	Khoa Thống kê	ThS Đỗ Văn Huân
36	Determinants of consumer installment Credit: Research in Vietnam (Các nhân tố ảnh hưởng đến cho vay tiêu dùng trả góp: Nghiên cứu tại Việt Nam)	**Lê Thị Nhật Thảo** Nguyễn Linh Trang Trần Cẩm Tú Trần Thị Hồng Vân	Ngân hàng CLC	TTĐTTT-CLC&POHE	TS. Đỗ Hoài Linh
37	Lý luận và thực tiễn của việc đề xuất tăng tuổi nghỉ hưu theo dự thảo sửa đổi Bộ luật lao động 2012	**Lê Thị Thanh Hiền** Hoàng Thu Hằng Trần Phương Anh Vũ Thị Thanh Tú	Luật KD 57 Luật KD 57 Luật KD 57 Luật KD 57	Khoa Luật	ThS. Hoàng Xuân Trường
38	Áp dụng mô hình Five Factor Model (BFM) nghiên cứu ý định nghỉ việc của nhân viên một số khách sạn 5 sao trên địa bàn thành phố Hà Nội	**Nguyễn Thị Hải Lý,** Nguyễn Thị Thanh Hường, Nguyễn Thị Hoài, Trần Thị Thảo	Quản trị Khách sạn 57	Khoa Du lịch & Khách sạn	TS. Trần Huy Đức

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
39	Sử dụng thành phần chính làm thước đo rủi ro hệ thống thị trường chứng khoán Việt Nam	**Trần Thị Lan Anh** Nguyễn Thị Thoa	Toán Tài chính 57	Khoa Toán Kinh tế	TS. Ngô Văn Thứ
40	"The reality of career orientation of Business English students and recommendations" (Thực trạng việc định hướng nghề và định hướng cho tương lai của sinh viên Tiếng Anh thương mại. Gợi ý giải pháp nhằm tăng khả năng định hướng nghề nghiệp của sinh viên Tiếng Anh thương mại).	**Lê Thị Khánh Huyền** Nguyễn Văn Duy Nguyễn Lan Chinh Vũ Thanh Hường Lưu Ngọc Thu Huyền	Tiếng Anh thương mại 57B	Khoa Ngoại ngữ kinh tế	ThS.Đinh Ngọc Anh
41	Các giải pháp Marketing cho dịch vụ social listening (MONITAZ) của Công ty Cổ phần TV Cộng (TVPlus)	**Nguyễn Thị Thuỳ**	QT Marketing 56	Khoa Marketing	GS.TS Trần Minh Đạo
42	Pháp luật về quản lý hoạt động quảng cáo trên mạng xã hội Facebook tại Việt Nam hiện nay: thực trạng và giải pháp	**Nguyễn Thị Hòa** Nguyễn Thị Thùy Linh	KH57A KH57A KH57A KH57A	Khoa Luật	TS. Dương Nguyệt Nga
43	Yếu tố ảnh hưởng đến động lực du lịch của người cao tuổi	**Phạm Thị Kim Ngân** Đỗ Thị Hiên Nguyễn Thị Hoài Thu Vũ Thị Thùy Anh Mai Thị Luyến	Kinh tế & Quản lý Nguồn nhân lực 57	Khoa Kinh tế & Quản lý Nguồn nhân lực	Trần Thị Mai Phương

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
44	Sự tham gia vào thị trường Bất động sản không chính thức của người dân	**Vũ Tú Giang** Vũ Đức Hoàn Nguyễn Thị Oanh Lê Thanh Sơn	Kinh doanh Bất động sản	Khoa Bất động sản & KTTN	Ths. Trần Thị Minh Thư
45	Accounting for human capital (Hạnh toán nguồn nhân lực)	**Nguyễn Đức Anh** Bùi Tuấn Linh Nguyễn Thảo My Nguyễn Thị Phương Linh Lê Trang Linh	Kiểm toán CLC	TTĐTTT-CLC&POHE	PGS.TS Nguyễn Thị Phương Hoa
46	Hành vi xem phim điện ảnh của khách hàng trên địa bàn Hà Nội	**Nguyễn Thuỳ Chi** Nguyễn Linh Đan Vũ Ngọc Huyền Phạm Thị Mai Phương	Truyền thông Marketing 57	Khoa Marketing	ThS. Nguyễn Minh Hiền
47	Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam	**Phạm Thị Hồng Ngọc** Ngô Bảo Ngọc Nguyễn Thị Hà Nguyễn Quỳnh Trang	KH57B	Khoa KH&PT	Th.s. NCS Phí Thị Hồng Linh
48	Ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển bền vững tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 - 2030	**Lê Thị Phượng,** Trần Thị Phương Linh, Nguyễn Khánh Linh, Nguyễn Thị Ngọc Trinh, Dương Thị Thu Trang	KTĐT 57A	Khoa Đầu tư	PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
49	Nhân tố ảnh hưởng tới tài chính tiêu dùng tại Việt Nam	**Vũ Thị Quỳnh Như** Vũ Thị Huyên Nguyễn Hoàng Hiệp	Ngân hàng 57A	Viện Ngân hàng- Tài chính	TS. Đỗ Hoài Linh
50	Giải pháp thúc đẩy tiêu thụ thịt lợn tại thị trường Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	**Mai Thị Huyền** Vũ Thị Thu Hằng Ngô Diệu Hương Nguyễn Hải Yến	Kinh tế Nông nghiệp	Bất động sản & KTTN	TS. Hoàng Mạnh Hùng
51	Tác động của ô nhiễm không khí đến quyết định mua nhà của người dân trong nội thành Hà Nội	**Đỗ Quang Huy** Trần Khánh Linh Nguyễn Hồng Trang	Kinh doanh Bất động sản	Khoa Bất động sản & KTTN	PGS.TS Nguyễn Minh Ngọc
52	Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề mộc dân dụng và mỹ nghệ trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	**Hà Huy Linh**	KTPT 57B	Khoa KH&PT	GS.TS Ngô Thắng Lợi
53	Kinh nghiệm quản lý sử dụng nước trong nông nghiệp của một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	**Phạm Thị Lịch** Nguyễn Thị Phương Thảo	quản lý kinh tế 57A	Khoa Khoa học quản lý	ThS. Nguyễn Quang Huy
54	Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ grab. Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân	**Phạm Văn Hậu** Nguyễn Thị Thanh Hoa Đoàn Hải Yến	Quản Lý Kinh Tế 58A	Khoa Khoa học quản lý	Ths.Dương Thùy Linh

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
55	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến niềm tin của người tiêu dùng đối với thương mại điện tử ở Việt Nam	**Nguyễn Thị Thiên Anh** Đinh Thị Lan Anh Khúc Hoàng Anh Trịnh Thị Lan Vương Đình Dũng	Tài chính Quốc tế 57	Viện Ngân hàng- Tài chính	ThS. Khúc Thế Anh
56	Tác động của hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển, thay đổi công nghệ, quy trình sản xuất đến lao động ngành may mặc tại Việt Nam	**Trần Thu Nga** Vũ Thị Thu Hằng Đào Huyền Trang Vũ Duy Thắng	KTH57	Khoa Kinh tế học	PGS.TS Hồ Đình Bảo
57	Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ thí sinh thi Đại học lựa chọn ngành đăng ký học	Đỗ Văn Lợi	Tin học Kinh tế	Khoa Tin học Kinh tế	Ths. Trương Văn Tú
58	Marketing nội bộ với việc nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty Cổ phần TRAPHACO	**Nguyễn Hoàng Giang**	CLC Marketing 56	Khoa Marketing	GS.TS Trần Minh Đạo
59	Tác động của xe công nghệ GRAB đến hành vi của người tiêu dùng trên địa bàn Hà Nội	**Trương Thị Nhài Ngọc** Trần Ngọc Thanh Hoa Thu Sương Nguyễn Thu Huyền	KTQT57A	Viện TM&KTQT	TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng
60	Phát triển kinh tế trang trại góp phần xây dựng nông thôn mới tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	**Nguyễn Thu Thảo** Phan Thị Hà Phương	Kinh tế Nông nghiệp	Khoa Bất động sản & KTTN	TS. Hoàng Mạnh Hùng

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
61	Nâng cao hiệu quả hoạt động tình nguyện trợ giúp pháp lý với cộng đồng của sinh viên Luật tại trường ĐH Kinh tế Quốc dân	**Trần Hương Giang** Dương Thị Quỳnh Anh Ngô Thúy Hằng Đỗ Thị Hương Ly	Luật KDQT 57 Luật KDQT 58 Luật KDQT 58 Luật KD 58	Khoa Luật	ThS.Đào Thu Hà
62	Difficulties in English speaking fluency in class of first year Business English students at National Economics University. (Những khó khăn giao tiếp lưu loát của sinh viên năm thứ Nhất chuyên ngành tiếng anh thương mại ĐH Kinh tế quốc dân)	**Phạm Thị Kiều Loan**	Tiếng Anh thương mại 56B	Khoa Ngoại ngữ Kinh tế	Th.S Ngụy Thùy Trang.
63	Phân bổ rủi ro theo hình thức hợp tác công - tư trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam.	**Phùng Thị Nga** Nguyễn Thị Thảo Nguyễn Mạnh Cường Nguyễn Hoàng Sơn Lê Minh Trí	KTĐT 57B	Khoa Đầu tư	ThS. Nguyễn Duy Tuấn
64	Nghiên cứu các yếu tố tác động tới tính gắn kết thành viên của Câu lạc bộ dẫn tour Tiếng Anh Tình nguyện Hanoikids	**Đào Thị Vân Khánh**	CLC Marketing 57	Khoa Marketing	TS. Phạm Hồng Hoa
65	Đánh giá tác động của tình hình thanh khoản đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam, sử dụng phương pháp bao dữ liệu DEA	**Nguyễn Cao Cường** Đỗ Quốc Anh Võ Mỹ Linh	TCDN 56B TCDN 57A TCDN 57A	Viện Ngân hàng- Tài chính	TS. Trương Thị Hoài Linh

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
66	Ứng dụng lý thuyết kì vọng vào nghiên cứu các yếu tố tác động đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên	**Nguyễn Thị Thanh Huyền** Phạm Mỹ Linh Ngô Quốc Trung Nguyễn Thu Trang	TCQT 57 TCQT 57 TCDN 57A TCDN 57A	Viện Ngân hàng- Tài chính	TS. Hoàng Thị Lan Hương
67	Ảnh hưởng của kiểm toán nội bộ đến hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	**Lê Thị Mỹ** Trần Thị Thu Hiền Phạm Thu Trang Nguyễn Thị Huệ Anh Nhữ Thị Cẩm Nhung	Kế toán 57A	Viện .KT-KT	ThS. Lê Quang Dũng
68	Nhận thức về Văn minh thương mại của sinh viên các trường đại học khối kinh tế trên địa bàn Hà Nội	**Nguyễn Thị Nga** Lê Thị Lan Anh	QTKDTM 57B	Viện TM&KTQT	PGS. TS. Phan Tố Uyên
69	Trình độ tiếng anh của sinh viên đại học kinh tế quốc dân trong việc đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thời kỳ hội nhập quốc tế	**Dương Thị Minh Anh** Nguyễn Thị Linh Chi Trần Thùy Dương Nguyễn Hồng Nhung Trần Thị Tuyết Ngân	QTKDTM57A	Viện TM&KTQT	GS.TS. Hoàng Đức Thân
70	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định sử dụng thẻ ATM của người dân nông thôn các tỉnh đồng bằng sông Hồng	**Đồng Thị Thảo** Hoàng Việt Trinh Đường Minh Phương	Quản lí kinh tế 56A	Khoa Khoa học quản lý	Th.S Dương Thùy Linh
71	Tác động của kết quả kinh doanh tại các ngân hàng của Việt Nam đến sự thay đổi CEO	**Đỗ Thị Ngọc Mai** Hà Minh Ngọc	QTKD tổng hợp 57a	Khoa Quản trị kinh doanh	Chu Tuấn Vũ

STT	Tên công trình	Họ và tên sinh viên, nhóm sinh viên (Người chịu trách nhiệm chính in đậm)	Lớp	Khoa	Giảng viên hướng dẫn
72	Pháp luật về nhãn hiệu hiện nay tại Việt Nam	**Hoàng Phương Thúy**	Luật KDQT 56	Khoa Luật	ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh
73	Các nhân tố ảnh hưởng tới nhận thức của sinh viên về các cuộc thi sắc đẹp ở Việt Nam	**Nguyễn Huy Hoàng** Lê Thuý Huyền Bùi Lan Chi Hoàng Thị Hà Vi Cao Nhật Minh	8A	Viện QTKD	TS. Trần Thị Hồng Việt
74	Những nhân tố ảnh hưởng quyết định đến thuê nhà trọ của sinh viên trên Hà nội	**Vũ Hạnh Linh** Trần Thị Thùy Dương	7B	Viện QTKD	TS. Đào Thị Thanh Lam

Tổng số: 156 công trình